

**ĐẠI HỌC HUẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ**  
**KHOA KINH TẾ PHÁT TRIỂN**



**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC**

**ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DU LỊCH CỘNG ĐỒNG TẠI**  
**LÀNG CỔ PHƯỚC TÍCH – XÃ PHONG HÒA –**  
**HUYỆN PHONG ĐIỀN – TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**NGUYỄN THỊ DIỄM MY**

**Khóa học: 2012 – 2016**

**ĐẠI HỌC HUẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ**  
**KHOA KINH TẾ PHÁT TRIỂN**



**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC**

**ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DU LỊCH CỘNG ĐỒNG TẠI**  
**LÀNG CÔ PHƯỚC TÍCH – XÃ PHONG HÒA –**  
**HUYỆN PHONG ĐIỀN – TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**Sinh viên thực hiện: Nguyễn Thị Diễm My**

**Giáo viên hướng dẫn**

**Lớp: K46A Kế hoạch - Đầu tư**

**Tiến sĩ Nguyễn Ngọc Châu**

**Niên khóa: 2012-2016**

**Huế, tháng 5 năm 2016**

# LỜI CẢM ƠN

Với sự đồng ý của trường Đại học Kinh tế Huế, Khoa Kinh tế - Phát triển cùng với sự đồng ý của Sở Văn hóa – Thể thao và Du lịch tỉnh Thừa Thiên Huế đã giúp tôi được thực tập tại Sở, trong thời gian thực tập tôi được tiếp thu thêm nhiều kinh nghiệm, tiếp cận và thực hiện được những kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn, vận dụng tốt các kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp vào công việc thực tiễn tại Sở và áp dụng những kiến thức đã học vào thực tế nên tôi đã hiểu hơn về ngành học của mình.

Xin đặc biệt cảm ơn thầy giáo, Tiến sĩ Nguyễn Ngọc Châu, người đã tận tình hướng dẫn, góp ý và truyền đạt kiến thức cho tôi hoàn thành đề tài này. Cảm ơn thầy đã luôn chỉ dạy, động viên, giúp đỡ tôi trong suốt thời gian vừa qua.

Cùng với đó, tôi xin cảm ơn ban lãnh đạo, các anh chị ở phòng Quy hoạch và Phát triển của Sở Văn hóa – Thể thao và Du lịch Thừa Thiên Huế, đặc biệt là Trưởng phòng Trần Viết Lực đã tiếp nhận và giúp đỡ trong thời gian tôi thực tập tại Sở. Xin chân thành cảm ơn Ban quản lý làng cổ Phước Tích và Ủy ban nhân dân xã Phong Hòa đã tạo điều kiện thuận lợi, hướng dẫn, giúp đỡ tôi hoàn thành bài khóa luận.

Tuy có nhiều cố gắng nhưng vì thời gian thực tế có hạn và kinh nghiệm của bản thân còn nhiều hạn chế nên bài báo cáo không tránh khỏi thiếu sót, tôi rất mong nhận được sự đóng góp, nhận xét, bổ sung thêm của quý thầy, cô giáo, các bạn sinh viên và những người quan tâm đến đề tài này để bài khóa luận tốt nghiệp của tôi được hoàn thiện hơn.

Tôi xin chân thành cảm ơn

Huế, ngày 20, tháng 5, năm 2016

Sinh viên

Nguyễn Thị Diễm My

## DANH MỤC VIẾT TẮT

ADB	: Ngân hàng phát triển Châu Á
BQL	: Ban quản lý
DLCĐ	: Du lịch cộng đồng
ĐTPT	: Đầu tư phát triển
Fam tour	: tổ chức tour kết hợp gặp gỡ, trao đổi chuyên môn với các bạn hàng
JATA	: Hiệp hội lữ hành Nhật Bản
JICA	: Tổ chức Hợp tác Quốc tế Nhật Bản
SVHTTVDL	: Sở Văn hóa – Thể thao và Du lịch
SNV	: Tổ chức phát triển Hà Lan
UBND	: Ủy ban nhân dân
UNESCO	: Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên Hợp Quốc

## **DANH MỤC BẢNG, BIỂU**

Bảng 2.1. Doanh thu từ hoạt động du lịch tỉnh Thừa Thiên Huế 2013-2015.....	33
Bảng 2.2. Tình hình du khách tham quan tại Thừa Thiên Huế 2013-2015.....	34
Bảng 2.3. Vốn đầu tư phát triển vào du lịch tỉnh Thừa Thiên Huế 2013 – 2014 .....	35
Bảng 2.4. Tình hình nhân lực của ngành du lịch Thừa Thiên Huế 2013-2015 .....	37
Bảng 2.5. Các dự án ĐTPT du lịch tại làng cổ Phước Tích 2013-2015.....	55
Bảng 2.6. Tổng VĐT phát triển DLCĐ tại làng cổ Phước Tích 2013-2015 .....	57
Bảng 2.7. Lượng khách du lịch ở làng cổ Phước Tích giai đoạn 2013-2015.....	58
Bảng 2.8. Doanh thu từ hoạt động du lịch ở làng cổ Phước Tích 2013-2015.....	60
Biểu đồ 2.1. Doanh thu từ du lịch tỉnh Thừa Thiên Huế 2013 - 2015 .....	33
Biểu đồ 2.2. Tình hình du khách tham quan tại Thừa Thiên Huế giai đoạn 2013-2015.....	34
Biểu đồ 2.3. Vốn đầu tư phát triển du lịch Thừa Thiên Huế 2013 – 2015 .....	36
Biểu đồ 2.4. Tình hình nhân lực của ngành du lịch Thừa Thiên Huế 2013-2015 .....	37
Biểu đồ 2.5: Lượng khách du lịch ở làng cổ Phước Tích giai đoạn 2013-2015 .....	59
Biểu đồ 2.6: Doanh thu từ hoạt động du lịch ở làng cổ Phước Tích 2013-2015.....	60

## DANH MỤC ĐỒ THỊ, HÌNH ẢNH

Đồ thị 1.1 : Tác động của đầu tư phát triển đến tổng cầu.....	10
Đồ thị 1.2: Tác động của đầu tư phát triển lên tổng cung .....	11
Hình 2.1. Ngôi nhà rường trên 200 tuổi ở là cổ Phước Tích.....	49
Hình 2.2. Các sản phẩm gốm Phước Tích .....	50
Hình 2.3. Lò gốm Phước Tích.....	50

## MỤC LỤC

<b>TÓM TẮT ĐỀ TÀI</b> .....	1
<b>PHẦN I: ĐẶT VẤN ĐỀ</b> .....	2
1. Lý do chọn đề tài .....	2
2. Mục tiêu nghiên cứu .....	3
2.1. <i>Mục tiêu tổng quát</i> .....	3
2.2. <i>Mục tiêu cụ thể</i> .....	3
3. Phương pháp nghiên cứu .....	3
3.1. <i>Phương pháp thu thập dữ liệu</i> .....	4
3.2. <i>Phương pháp xử lý số liệu</i> .....	4
3.3. <i>Phương pháp phân tích</i> .....	4
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu .....	4
4.1. <i>Đối tượng nghiên cứu</i> .....	4
4.2. <i>Phạm vi nghiên cứu</i> .....	4
5. Kết cấu.....	4
<b>PHẦN II: NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU</b> .....	6
<b>CHƯƠNG I: CỞ SỞ KHOA HỌC CỦA ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DU LỊCH CỘNG ĐỒNG</b> .....	6
1.1. Tổng quan về đầu tư và đầu tư phát triển.....	6
1.1.1. <i>Tổng quan về đầu tư</i> .....	6
1.1.1.1. Khái niệm đầu tư .....	6
1.1.1.2. Phân loại đầu tư .....	6
1.1.2. <i>Tổng quan về đầu tư phát triển</i> .....	7
1.1.2.1. Khái niệm đầu tư phát triển .....	7
1.1.2.2. Đặc điểm của đầu tư phát triển .....	7
1.1.2.3. Nội dung cơ bản của đầu tư phát triển.....	9
1.1.2.4. Vai trò của đầu tư phát triển .....	9
1.2. Tổng quan về du lịch và du lịch cộng đồng .....	12
1.2.1. <i>Tổng quan về du lịch</i> .....	12
1.2.1.1. Khái niệm .....	12

1.2.1.2.	Các hình thức du lịch.....	12
1.2.2.	<i>Tổng quan về du lịch cộng đồng</i> .....	13
1.2.2.1.	Khái niệm du lịch cộng đồng.....	13
1.2.2.2.	Các loại hình du lịch cộng đồng .....	13
1.2.2.3.	Đặc điểm của du lịch cộng đồng .....	14
1.2.2.4.	Nguyên tắc của du lịch cộng đồng .....	15
1.2.2.5.	Các bên tham gia vào du lịch cộng đồng.....	16
1.2.2.6.	Các nhân tố ảnh hưởng đến du lịch cộng đồng .....	18
1.2.2.7.	Những tác động của hoạt động du lịch cộng đồng .....	21
1.2.2.8.	Các phương pháp và chỉ số đánh giá du lịch cộng đồng .....	22
1.3.	Một số mô hình phát triển du lịch cộng đồng ở nước ta .....	25
	<b>CHƯƠNG II: TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN</b> .....	29
	<b>DU LỊCH CỘNG ĐỒNG Ở LÀNG CỔ PHƯỚC TÍCH</b> .....	29
2.1.	Tình hình phát triển du lịch trên địa bàn Thừa Thiên Huế 2013-2015 .....	29
2.1.1.	<i>Tiềm năng phát triển du lịch ở Thừa Thiên Huế</i> .....	29
2.1.2.	<i>Điều kiện thuận lợi và khó khăn của ngành du lịch Thừa Thiên Huế</i> .....	30
2.1.2.1.	Điều kiện thuận lợi .....	30
2.1.2.2.	Điều kiện khó khăn.....	31
2.1.3.	<i>Thực trạng du lịch Thừa Thiên Huế giai đoạn 2013-2015</i> .....	32
2.1.3.1.	Doanh thu từ hoạt động du lịch tỉnh Thừa Thiên Huế 2013-2015 .....	32
2.1.3.2.	Tình hình khách du lịch tham quan tại Thừa Thiên Huế giai đoạn 2013-2015	34
2.1.3.3.	<i>Vốn đầu tư phát triển vào du lịch tỉnh Thừa Thiên Huế 2013 – 2014</i> .....	35
2.1.3.4.	Tình hình nhân lực của ngành du lịch Thừa Thiên Huế giai đoạn 2013-2015.	36
2.2.	Một số nét về tình hình cơ bản của xã Phong Hòa, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế .....	38
2.2.1.	<i>Tài nguyên tự nhiên của xã Phong Hòa</i> .....	38
2.2.1.1.	Vị trí địa lý.....	38
2.2.1.2.	Địa hình .....	38
2.2.1.3.	Khí hậu .....	38
2.2.1.4.	Thủy văn.....	39



2.2.1.5. Đất đai.....	39
2.2.1.6. Tài nguyên nước .....	40
2.2.1.7. Tài nguyên khoáng sản .....	40
2.2.2. <i>Tài nguyên nhân văn của xã Phong Hòa</i> .....	40
2.2.2.1. Làng nghề Mỹ Xuyên.....	40
2.2.2.2. Chùa Ưu Đàm.....	42
2.2.3. <i>Khái quát tình hình kinh tế - xã hội của xã</i> .....	44
2.2.3.1. Đặc điểm dân cư và nguồn nhân lực .....	44
2.2.3.2. Hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật .....	45
2.2.3.3. Tăng trưởng kinh tế và cơ cấu kinh tế.....	46
2.2.4. <i>Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của xã Phong Hòa để phát triển du lịch cộng đồng</i> .....	46
2.3. Giới thiệu về làng cổ Phước tích .....	48
2.3.1. <i>Tiềm năng và triển vọng</i> .....	48
2.3.2. <i>Đặc điểm tình hình chung của làng cổ Phước Tích:</i> .....	51
2.4. Thực trạng đầu tư phát triển du lịch cộng đồng ở làng cổ Phước Tích, xã Phong Hòa, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế 2013-2015.....	52
2.4.1. <i>Các hoạt động đầu tư phát triển du lịch của chính quyền địa phương 2013-2015</i> .....	52
2.4.1.1. Các dự án đã thực hiện .....	52
2.4.1.2. Các dự án đang thực hiện trong năm 2016.....	58
2.4.2. <i>Tình hình du khách đến tham quan tại làng cổ Phước Tích giai đoạn 2013-2015</i> ....	58
2.4.3. <i>Doanh thu từ hoạt động du lịch ở làng cổ Phước Tích 2013-2015</i> .....	60
2.4.4. <i>Đánh giá tình hình đầu tư phát triển du lịch cộng đồng tại làng cổ Phước tích</i>	61
<b>CHƯƠNG III: ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY</b> .....	63
<b>ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DU LỊCH CỘNG ĐỒNG Ở LÀNG CỔ PHƯỚC TÍCH</b> .....	63
3.1. Định hướng phát triển du lịch cộng đồng ở làng cổ Phước Tích .....	63
3.1.1. <i>Định hướng chung</i> .....	63
3.1.2. <i>Định hướng phát triển một số lĩnh vực</i> .....	63

3.1.2.1. Về thị trường.....	63
3.1.2.2. Về đầu tư phát triển du lịch .....	63
3.1.2.3. Về phát triển nguồn nhân lực du lịch .....	64
3.1.2.4. Về xúc tiến, tuyên truyền quảng bá du lịch .....	64
3.2. Giải pháp thúc đẩy đầu tư phát triển du lịch cộng đồng ở làng cổ Phước Tích.....	64
3.2.1. Giải pháp từ phân tích ma trận SWOT.....	64
3.2.2. Giải pháp thúc đẩy đầu tư phát triển du lịch cộng đồng .....	66
3.2.2.1. Giải pháp về cơ chế chính sách .....	66
3.2.2.2. Tăng cường đào tạo năng lực cho các bên liên quan đến du lịch cộng đồng địa phương.....	67
3.2.2.3. Phát triển các sản phẩm và dịch vụ du lịch độc đáo .....	68
3.2.2.4. Không ngừng tăng cường công tác xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm	69
3.2.2.5. Giải pháp xây dựng cơ sở vật chất.....	70
3.2.2.6. Tăng cường thu hút vốn đầu tư.....	71
3.2.2.7. Nâng cao nhận thức, tuyên truyền giáo dục cho các bên tham gia .....	71
<b>PHẦN III: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ</b> .....	<b>73</b>
1. Kết luận .....	73
2. Kiến nghị .....	73
2.1. Đối với Sở Văn hóa – Thể Thao và Du lịch Thừa Thiên Huế .....	73
2.2. Đối với Ủy Ban Nhân Dân xã Phong Hòa .....	74
2.3. Đối với Ban quản lý làng cổ Phước Tích .....	74
2.4. Đối với doanh nghiệp, công ty lữ hành .....	75
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	<b>76</b>

## TÓM TẮT ĐỀ TÀI

Đề tài khóa luận tốt nghiệp “*Đầu tư phát triển du lịch cộng đồng tại Làng Cổ Phước Tích – xã Phong Hòa – huyện Phong Điền – tỉnh Thừa Thiên Huế*” được thực hiện với mục tiêu khái quát những lý luận cơ bản của du lịch cộng đồng, tìm hiểu thực trạng phát triển du lịch cộng đồng tại làng cổ Phước Tích, nhận biết được thế mạnh cũng như những hạn chế để từ đó đưa ra định hướng, giải pháp nhằm tăng cường đầu tư phát triển du lịch cộng đồng tại làng Phước tích.

Để nghiên cứu đề tài được đầy đủ và chân thực, tôi đã tiến hành sử dụng một số phương pháp sau: phương pháp thu thập số liệu từ các báo cáo của Sở Văn hóa – Thể thao và Du lịch, UBND xã Phong Hòa, Ban Quản lý làng cổ Phước Tích và từ các sách báo, trang web; Phương pháp xử lý số liệu bằng excel; Phương pháp phân tích: thống kê mô tả, phân tích tổng hợp so sánh và phương pháp tham khảo ý kiến chuyên gia. Từ đó, có những nhận xét xác thực nhất về tình hình trên địa bàn trong tiến trình thực hiện đầu tư phát triển du lịch cộng đồng để có các giải pháp và đề xuất thực hiện.

Qua quá trình nghiên cứu, tôi nhận thấy rằng: làng cổ Phước Tích hội tụ nhiều tiềm năng để phát triển du lịch cộng đồng như quần thể kiến trúc nhà rường, di tích văn hóa Chăm Pa, văn hóa Việt Cổ, nghề gốm trên 500 năm,... Tuy nhiên, trải qua hàng trăm năm tồn tại và phát triển, hiện nay các di sản này đã phần nào bị mai một, xuống cấp, cùng với đó là những hạn chế về cơ sở hạ tầng, nguồn nhân lực, vốn đầu tư,... những điều này ảnh hưởng không nhỏ đến sự phát triển của du lịch làng cổ. Vì vậy, cần thiết phải đầu tư phát triển du lịch cộng đồng để đưa Phước Tích trở thành điểm đến hấp dẫn đối với du khách nội địa cũng như quốc tế khi đến Huế.

Để khắc phục những tồn tại và phát huy các thế mạnh, tận dụng tối đa nguồn lực sẵn có của làng cổ, tôi đề xuất một số giải pháp cũng như mạnh dạn đưa ra một vài ý kiến đối với các cấp lãnh đạo và nhân dân để nâng cao hiệu quả đầu tư và thúc đẩy đầu tư phát triển du lịch cộng đồng làng cổ Phước Tích trong thời gian tới.

# PHẦN I: ĐẶT VẤN ĐỀ

## 1. Lý do chọn đề tài

Trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay, du lịch đang nhanh chóng trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn của nhiều quốc gia trên thế giới, bao gồm cả nước phát triển và nước đang phát triển. Hoạt động kinh doanh du lịch ngày càng phát triển mạnh, chiếm tỷ trọng lớn hơn trong thu nhập quốc dân của nhiều quốc gia. Du lịch được xem như là chìa khóa mang lại sự thịnh vượng cho cả nước giàu và nước nghèo.

Du lịch cộng đồng là một trong những loại hình du lịch đang được ưu tiên phát triển tại nhiều quốc gia. Có thể nói đây là loại hình du lịch mang tính bền vững, mang lại lợi ích kinh tế cho cộng đồng địa phương, bảo vệ môi trường và cung cấp cho du khách kinh nghiệm mới góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Mục đích cốt lõi của du lịch cộng đồng là tạo điều kiện cho mọi thành viên trong cộng đồng, trong cụm dân cư được tham gia vào hoạt động du lịch, phát triển đời sống vật chất và tinh thần, tạo công ăn việc làm, cải thiện thu nhập, nâng cao đời sống của cộng đồng dân cư địa phương nhằm xóa đói giảm nghèo, đồng thời tham gia vào công tác bảo tồn, giữ gìn những giá trị văn hóa và cảnh quan tự nhiên của vùng. Điều quan trọng hơn của du lịch cộng đồng là du lịch dựa vào dân, dân tự làm tức là dân tham gia chịu trách nhiệm ra quyết định, thực thi và điều hành các dự án phát triển du lịch của địa phương. Ngày nay, phát triển du lịch cộng đồng đang nắm giữ một vị trí quan trọng trong chiến lược phát triển du lịch của các quốc gia với mục tiêu mang lại lợi ích chung cho cộng đồng địa phương, đặc biệt cho cộng đồng các làng quê xa xôi ở nông thôn.

Tại Việt Nam, du lịch cộng đồng cũng đã đem lại nhiều lợi ích thực sự về mặt kinh tế cho người dân ở các vùng nông thôn. Mô hình này đã mang lại hiệu quả, không chỉ phát huy thế mạnh văn hóa bản địa của các dân tộc mà còn góp phần xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống cho người dân địa phương của Việt Nam cũng như ở địa bàn làng cổ Phước Tích. Làng cổ Phước Tích được thành lập từ năm 1470 thời vua Lê Thánh Tông, trải qua 500 năm tồn tại và phát triển, Phước Tích vẫn giữ được những

giá trị di sản văn hóa quý báu của một làng nghề gốm. Làng Cổ Phước Tích được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xếp hạng là di tích kiến trúc nghệ thuật cấp Quốc gia theo quyết định số 832/QĐ-BVHTTDL ngày 03 tháng 03 năm 2009. Với quần thể kiến trúc nhà rường, di tích văn hóa Chăm Pa, văn hóa Việt Cổ, nghề gốm trên 500 năm... Phước Tích được mệnh danh là làng di sản miền Trung. Với những thế mạnh này, việc phát triển du lịch cộng đồng ở làng cổ Phước Tích là điều tất yếu và cần thiết thúc đẩy phát triển du lịch tỉnh Thừa Thiên Huế.

Tuy nhiên trải qua hàng trăm năm tồn tại và phát triển, hiện nay thực trạng chung của các di sản đó đã xuống cấp, cần thiết phải đầu tư phát triển để bảo tồn, trùng tu, tôn tạo, sửa chữa và khai thác có hiệu quả khu di tích nghệ thuật làng cổ Phước Tích, để Phước Tích là một điểm đến hấp dẫn trong hành trình du lịch của du khách khi đến Thừa Thiên Huế. Với mong muốn này thúc đẩy tôi thực hiện đề tài: ***“Đầu tư phát triển du lịch cộng đồng tại Làng Cổ Phước Tích – xã Phong Hòa – huyện Phong Điền – tỉnh Thừa Thiên Huế”***.

## **2. Mục tiêu nghiên cứu**

### *2.1. Mục tiêu tổng quát*

Trên cơ sở đánh giá thực trạng, đề tài tập trung nghiên cứu các giải pháp nhằm thúc đẩy đầu tư phát triển du lịch cộng đồng ở làng cổ Phước Tích.

### *2.2. Mục tiêu cụ thể*

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về đầu tư phát triển du lịch cộng đồng.
- Đánh giá thực trạng đầu tư phát triển du lịch cộng đồng ở làng cổ Phước Tích trong thời gian qua.
- Đề xuất các giải pháp thúc đẩy đầu tư phát triển du lịch cộng đồng tại địa phương trong thời gian tới.

## **3. Phương pháp nghiên cứu**

Để đạt được các mục tiêu nghiên cứu trên, đề tài đã sử dụng một số phương pháp nghiên cứu sau đây:

### *3.1. Phương pháp thu thập dữ liệu*

Việc thu thập dữ liệu được thực hiện thông qua:

- Tài liệu của Sở Văn hóa – Thể thao và Du lịch
- Tài liệu của Ủy ban nhân dân xã Phong Hòa, huyện Phong Điền.
- Tài liệu của Ban quản lý làng cổ Phước Tích
- Tham khảo các tài liệu, sách báo và trang web có liên quan

### *3.2. Phương pháp xử lý số liệu*

Các số liệu thu thập được xử lý bằng excel.

### *3.3. Phương pháp phân tích*

- Thống kê, mô tả: thống kê và thể hiện các số liệu thu thập được thông qua các bảng, biểu đồ sau đó mô tả các số liệu này.
- Phân tích tổng hợp, so sánh: tổng hợp số liệu từ các báo cáo và so sánh để thấy sự thay đổi qua các năm
- Phương pháp tham khảo ý kiến chuyên gia: tham khảo ý kiến của trưởng phòng Quy hoạch và Phát triển du lịch Sở VH-TT-VL Thừa Thiên Huế, Trưởng phòng và các chuyên viên của Ban Quản lý làng cổ Phước Tích.

## **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

### *4.1. Đối tượng nghiên cứu*

- Thực trạng đầu tư phát triển du lịch cộng đồng ở làng cổ Phước Tích.

### *4.2. Phạm vi nghiên cứu*

Không gian: Đề tài khóa luận chủ yếu tập trung nghiên cứu trên địa bàn xã Phong Hòa, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, nơi có điểm du lịch mang tính quốc gia, quốc tế là Làng Cổ Phước Tích.

Thời gian: số liệu nghiên cứu trong giai đoạn từ năm 2013 đến năm 2015.

## **5. Kết cấu**

Gồm 3 phần:

Phần 1: Đặt vấn đề

Phần 2: Nội dung và kết quả nghiên cứu

Chương 1: Cơ sở khoa học của đầu tư phát triển du lịch cộng đồng.

Chương 2: Tình hình đầu tư phát triển du lịch cộng đồng tại làng cổ Phước Tích.

Chương 3: Định hướng và giải pháp thúc đẩy đầu tư phát triển du lịch cộng đồng tại làng cổ Phước Tích.

Phần 3: Kết luận và kiến nghị

# PHẦN II: NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

## CHƯƠNG I: CƠ SỞ KHOA HỌC CỦA ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

### DU LỊCH CỘNG ĐỒNG

#### 1.1. Tổng quan về đầu tư và đầu tư phát triển

##### 1.1.1. Tổng quan về đầu tư

###### 1.1.1.1. Khái niệm đầu tư

Hoạt động đầu tư nói chung là sự hy sinh các nguồn lực ở hiện tại để tiến hành các hoạt động nào đó nhằm thu về cho người đầu tư các kết quả nhất định trong tương lai lớn hơn các nguồn lực đã bỏ ra để đạt được các kết quả đó. [*Trích bài giảng Kinh tế đầu tư Th.s Hồ Tú Linh*].

###### 1.1.1.2. Phân loại đầu tư

Trong công tác quản lý và kế hoạch hóa hoạt động đầu tư, các nhà kinh tế phân loại hoạt động đầu tư theo các tiêu thức khác nhau. Mỗi tiêu thức phân loại đáp ứng những nhu cầu quản lý và nghiên cứu kinh tế khác nhau.

- Theo bản chất của các đối tượng đầu tư: đầu tư cho các đối tượng vật chất, đầu tư cho các đối tượng tài chính, đầu tư cho các đối tượng phi vật chất.
- Theo cơ cấu tái sản xuất: đầu tư theo chiều rộng, đầu tư theo chiều sâu.
- Theo lĩnh vực hoạt động trong xã hội của các kết quả đầu tư: đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển khoa học kỹ thuật, đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng.
- Theo đặc điểm hoạt động của các kết quả đầu tư: đầu tư cơ bản, đầu tư vận hành.
- Theo giai đoạn hoạt động của các kết quả đầu tư trong quá trình tái sản xuất xã hội: đầu tư thương mại, đầu tư sản xuất.
- Theo thời gian thực hiện và phát huy tác dụng để thu hồi đủ vốn đã bỏ ra của các kết quả đầu tư: đầu tư ngắn hạn ( $\leq 1$  năm), đầu tư trung hạn (từ 1 năm đến dưới 5 năm), đầu tư dài hạn ( $\geq 5$  năm).



- Theo quan hệ quản lý của chủ đầu tư: đầu tư gián tiếp, đầu tư trực tiếp. Trong đó đầu tư trực tiếp có 2 loại là đầu tư dịch chuyên và đầu tư phát triển.

- Theo nguồn vốn đầu tư trên phạm vi quốc gia: đầu tư bằng vốn trong nước, đầu tư bằng vốn nước ngoài.

- Theo chủ thể đầu tư: đầu tư của nhà nước, đầu tư của doanh nghiệp, đầu tư của cá nhân, hộ gia đình.

- Theo vùng lãnh thổ: hoạt động đầu tư được chia thành đầu tư phát triển của các vùng lãnh thổ, các vùng kinh tế trọng điểm, đầu tư phát triển khu vực thành thị và nông thôn...

### 1.1.2. Tổng quan về đầu tư phát triển

#### 1.1.2.1. Khái niệm đầu tư phát triển

Đầu tư phát triển là bộ phận cơ bản của đầu tư, là việc chi dùng vốn trong hiện tại để tiến hành các hoạt động nhằm làm tăng thêm hoặc tạo ra những tài sản mới cho nền kinh tế (tài sản tài chính, tài sản vật chất, tài sản trí tuệ), gia tăng sản xuất, tạo thêm việc làm và vì mục tiêu phát triển. [*Trích bài giảng Kinh tế đầu tư Th.s Hồ Tú Linh*]

Đầu tư phát triển là việc bỏ vốn đầu tư để tạo nên những năng lực sản xuất phục vụ mới. Đây là loại đầu tư để tái sản xuất mở rộng, là biện pháp chủ yếu để cung cấp việc làm cho người lao động, là tiền đề để thực hiện đầu tư tài chính và đầu tư dịch chuyên. Đầu tư trực tiếp được thực hiện bởi người trong nước và cả người nước ngoài, được thực hiện ở nước sở tại và cả ở nước ngoài. Do vậy, việc cân đối giữa hai luồng vốn đầu tư ra và vào cũng như việc coi trọng cả hai luồng vốn này là hết sức cần thiết.

#### 1.1.2.2. Đặc điểm của đầu tư phát triển

❖ Thường đòi hỏi vốn lớn, vốn nằm khê đọng trong suốt quá trình đầu tư:

- Vốn lớn: vì yêu cầu vốn lớn nên phải có quyết định bỏ vốn đầu tư vào lĩnh vực nào là có lợi nhất, huy động vốn từ các nguồn nào, tiến độ sử dụng vốn trong quá trình thi công xây dựng công trình ra sao.

- Vốn nằm khô đọng: trong quá trình tiến hành đầu tư vốn không sinh lời, không tạo ra sản phẩm và lợi nhuận, thêm vào đó là các tác động của môi trường đầu tư, vì vậy cần phải dự báo, tính toán cụ thể trong khi lập dự án.

❖ Hoạt động đầu tư mang tính chất lâu dài:

- Thời gian kể từ khi bắt đầu tiến hành một công cuộc đầu tư cho đến khi các thành quả của công cuộc đầu tư đó phát huy tác dụng đem lại lợi ích kinh tế- xã hội thường kéo dài.

- Thời gian vận hành các kết quả đầu tư đến thời điểm thu hồi vốn (hay cho đến khi thanh lý tài sản do vốn đầu tư bỏ ra) cũng thường kéo dài nhiều khi là vĩnh viễn.

❖ Kết quả và hiệu quả của hoạt động đầu tư chịu ảnh hưởng của các yếu tố không ổn định theo thời gian và điều kiện địa lý của không gian:

- Điều kiện tự nhiên (đất đai, khí hậu thời tiết, nguồn nước,...)

- Điều kiện kinh tế- xã hội (cung cầu thị trường biến đổi liên quan đến đầu vào và đầu ra của hoạt động đầu tư, cơ chế quản lý, chính sách, chế độ chính trị...)

- Các yếu tố về kỹ thuật (xu hướng lâu dài của công nghệ: chất lượng, giá thành sản phẩm, sử dụng yếu tố nguyên vật liệu như thế nào...)

→Đòi hỏi phải nghiên cứu kỹ thị trường khi đầu tư từ quá khứ đến hiện tại và tương lai.

❖ Các thành quả của hoạt động đầu tư nếu là các công trình xây dựng, vật kiến trúc như nhà máy, hầm mỏ, các công trình thủy lợi, đường sá,... thì sẽ vận động ở ngay nơi mà nó được tạo dựng nên:

- Với đặc điểm này thì các điều kiện về địa hình, địa chất và địa lý tại nơi có các công trình sẽ có ảnh hưởng lớn đến quá trình thực hiện đầu tư cũng như quá trình vận hành, khai thác dự án đầu tư sau này, tức là phải phân tích tính kinh tế của địa điểm đầu tư.

❖ Hoạt động đầu tư phát triển thường chịu mức rủi ro cao:

- Hoạt động đầu tư phát triển là hoạt động mang nặng yếu tố rủi ro, các nhà đầu tư không còn cách nào khác là phải chấp nhận rủi ro khi quyết định bỏ vốn bằng cách:

- Xem xét những rủi ro nào có thể xảy ra từ đó có các biện pháp phòng ngừa rủi ro. Đối với những rủi ro bất khả kháng thì chủ đầu tư tự chịu.
- Đạt được kết quả cao hơn khi không có rủi ro để bù đắp trong trường hợp xảy ra rủi ro.

Như vậy, để đảm bảo cho công cuộc đầu tư phát triển đạt được hiệu quả kinh tế xã hội cao phải làm tốt công tác chuẩn bị đầu tư. Quá trình chuẩn bị đầu tư là quá trình soạn thảo dự án đầu tư.

#### 1.1.2.3. Nội dung cơ bản của đầu tư phát triển

Căn cứ vào lĩnh vực phát huy tác dụng đầu tư phát triển bao gồm: đầu tư phát triển sản xuất, đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng- kỹ thuật chung của nền kinh tế, đầu tư phát triển văn hóa giáo dục, y tế và dịch vụ xã hội khác, đầu tư phát triển khác.

Ý nghĩa: cách tiếp cận này là căn cứ để xác định quy mô vốn đầu tư, đánh giá kết quả và hiệu quả hoạt động cho từng ngành, từng lĩnh vực trong nền kinh tế quốc dân.

Căn cứ theo khái niệm đầu tư phát triển bao gồm: đầu tư tài sản vật chất, đầu tư tài sản trí tuệ, đầu tư tài sản vô hình.

Ý nghĩa: cách tiếp cận này là căn cứ để xác định tỷ trọng, vai trò của từng bộ phận trong tổng đầu tư của đơn vị.

Căn cứ vào quá trình hình thành và thực hiện đầu tư: đầu tư cho các hoạt động chuẩn bị đầu tư, đầu tư trong quá trình thực hiện đầu tư, đầu tư trong giai đoạn vận hành.

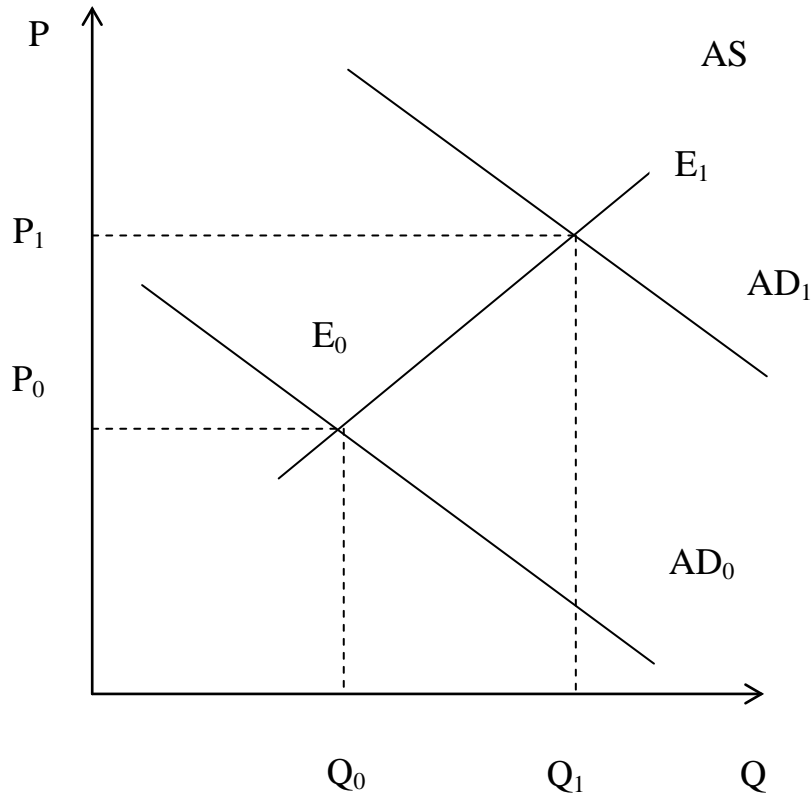
Ý nghĩa: Cách tiếp cận này giúp chủ đầu tư và nhà quản lý xác định được tỷ trọng vốn đầu tư trong từng giai đoạn, kế hoạch huy động vốn đầu tư, quản lý vốn và nguồn vốn đầu tư trong từng giai đoạn đầu tư và kế hoạch trả nợ.

#### 1.1.2.4. Vai trò của đầu tư phát triển

- ❖ Đối với toàn bộ nền kinh tế:

- Đầu tư phát triển tác động đến tổng cung và tổng cầu của nền kinh tế:

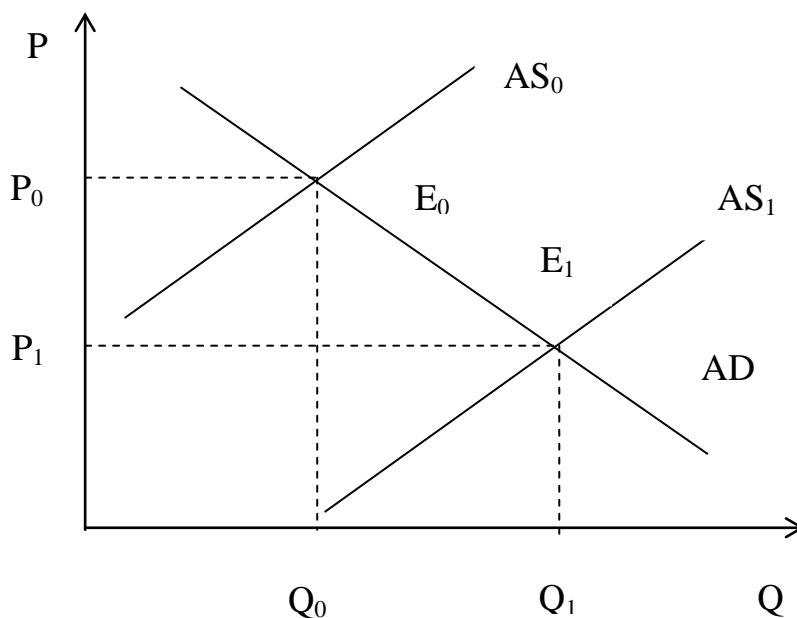
- Tác động đến tổng cầu AD:



### Đồ thị 1.1 : Tác động của đầu tư phát triển đến tổng cầu

Đầu tư phát triển là yếu tố chiếm tỷ trọng lớn trong tổng cầu của nền kinh tế. Theo số liệu của Ngân hàng thế giới, đầu tư thường chiếm khoảng 24%-28% trong cơ cấu tổng cầu của tất cả các nước trên thế giới. Khi quy mô đầu tư thay đổi sẽ tác động trực tiếp đến quy mô tổng cầu AD. Tuy nhiên, tác động của đầu tư đến AD là ngắn hạn. Khi tổng cung AS chưa kịp thay đổi thì sự tăng lên của đầu tư sẽ làm cho tổng cầu tăng từ  $AD_0 \rightarrow AD_1$  kéo theo sản lượng cân bằng tăng từ  $Q_0 \rightarrow Q_1$ , giá cả các yếu tố đầu tư tăng từ  $P_0 \rightarrow P_1$ , điểm cân bằng dịch chuyển từ  $E_0 \rightarrow E_1$ .

- Tác động đến tổng cung AS:



### **Đồ thị 1.2: Tác động của đầu tư phát triển lên tổng cung**

Trong dài hạn, khi thành quả đầu tư phát huy tác dụng, các năng lực mới đi vào hoạt động thì tổng cung sẽ tăng lên từ  $AS_0 \rightarrow AS_1$  kéo theo sản lượng tiềm năng tăng từ  $Q_0 \rightarrow Q_1$  và giá của sản phẩm giảm từ  $P_0 \rightarrow P_1$ . Điểm cân bằng dịch chuyển từ  $E_0 \rightarrow E_1$ .

- Đầu tư phát triển tác động đến tăng trưởng kinh tế:

Đầu tư và việc tích lũy vốn cho đầu tư là một nhân tố quan trọng cho việc gia tăng năng lực sản xuất, cung ứng hàng hóa và dịch vụ cho nền kinh tế. Việc gia tăng quy mô vốn đầu tư sẽ góp phần gia tăng sản lượng quốc gia và sản lượng bình quân mỗi lao động.

Điều trên được thể hiện rõ trong hệ số ICOR – Hệ số gia tăng vốn đầu tư toàn xã hội so với tăng trưởng kinh tế.

- Đầu tư phát triển tác động đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế:
- Đầu tư phát triển tác động đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo vùng.

- Đầu tư phát triển tác động đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo khu vực kinh tế.
- Đầu tư phát triển tác động đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo thành phần kinh tế.
- Đầu tư phát triển tác động đến sự phát triển của khoa học và công nghệ.
- ❖ Đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ:
  - Đầu tư quyết định sự ra đời
  - Đầu tư quyết định sự tồn tại
  - Đầu tư quyết định sự phát triển

## **1.2. Tổng quan về du lịch và du lịch cộng đồng**

### *1.2.1. Tổng quan về du lịch*

#### 1.2.1.1. Khái niệm

Du lịch là các hoạt động có liên quan đến chuyến đi của con người ngoài nơi cư trú thường xuyên của mình nhằm đáp ứng nhu cầu tham quan, tìm hiểu, giải trí, nghỉ dưỡng trong một khoảng thời gian nhất định. [*Trích Du lịch cộng đồng – Lý thuyết và vận dụng TS Võ Quế*].

#### 1.2.1.2. Các hình thức du lịch

- Căn cứ vào phạm vi lãnh thổ: du lịch quốc tế, du lịch nội địa.
- Căn cứ vào nhu cầu đi du lịch của du khách: du lịch chữa bệnh, du lịch nghỉ ngơi, giải trí, du lịch thể thao, du lịch tôn giáo, du lịch khám phá.
- Căn cứ vào phương tiện giao thông: du lịch bằng xe đạp, du lịch tàu hỏa, du lịch tàu biển, du lịch ô tô, du lịch hàng không.
- Căn cứ theo phương tiện lưu trú: du lịch ở khách sạn, du lịch nhà trọ, du lịch cắm trại.
- Căn cứ vào đặc điểm địa lý: du lịch miền biển, du lịch miền núi, du lịch đô thị, du lịch đồng quê.
- Căn cứ vào hình thức tổ chức du lịch: du lịch theo đoàn, du lịch cá nhân.
- Căn cứ vào thành phần du khách: du khách thượng lưu, du khách bình dân.

- Các loại hình du lịch mới: du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp, du lịch teambuilding, du lịch MICE( là loại hình du lịch kết hợp hội nghị, hội thảo, triển lãm, tổ chức sự kiện), du lịch thiên.

### 1.2.2. Tổng quan về du lịch cộng đồng

#### 1.2.2.1. Khái niệm du lịch cộng đồng

Du lịch cộng đồng là một loại hình du lịch do chính cộng đồng người dân phối hợp tổ chức, quản lý và làm chủ để đem lại lợi ích kinh tế và bảo vệ được môi trường chung thông qua việc giới thiệu với du khách các nét đặc trưng của địa phương (phong cảnh, văn hóa,...). [*Trích Du lịch cộng đồng – Lý thuyết và vận dụng TS Võ Quế*].

Du lịch cộng đồng dựa trên sự tò mò, mong muốn của khách du lịch để tìm hiểu thêm về cuộc sống hằng ngày của người dân từ các nền văn hóa khác nhau. Du lịch cộng đồng thường liên kết với người dân thành thị đến các vùng nông thôn để thường thức cuộc sống tại đó trong một thời gian nhất định.

#### 1.2.2.2. Các loại hình du lịch cộng đồng

❖ Du lịch sinh thái: du lịch sinh thái là một hình thức du lịch diễn ra trong khu vực tự nhiên (đặc biệt là trong các khu vực cần được bảo vệ và môi trường xung quanh nó) và kết hợp tìm hiểu bản sắc văn hóa- xã hội của địa phương có sự quan tâm đến vấn đề môi trường. Nó thúc đẩy một hệ sinh thái bền vững thông qua một quá trình quản lý môi trường có sự tham gia của tất cả các bên liên quan.

❖ Du lịch văn hóa: du lịch văn hóa là một trong những thành phần quan trọng nhất của du lịch dựa vào cộng đồng, văn hóa, lịch sử, khảo cổ học là yếu tố thu hút khách chủ yếu của cộng đồng địa phương. Du lịch dựa vào văn hóa bao gồm khám phá các di tích khảo cổ học, địa điểm tôn giáo nổi tiếng hay trải nghiệm cuộc sống địa phương...

❖ Du lịch nông nghiệp: đây là một hình thức du lịch tại các khu vực nông nghiệp như vườn cây ăn trái, trang trại nông lâm kết hợp, trang trại thảo dược và các trang trại động vật đã được chuẩn bị phục vụ cho khách du lịch. Khách du lịch xem hoặc tham gia vào thực tiễn sản xuất nông nghiệp như làm việc với dụng cụ của nhà nông hoặc thu hoạch mùa mà không làm ảnh hưởng đến hệ sinh thái hoặc năng suất của gia đình

chủ nhà. Một sản phẩm mới đặc biệt là nghỉ ngơi ở các trang trại hữu cơ, nơi du khách có thể tìm hiểu thêm về thiên nhiên và học tập các phương pháp canh tác không dùng thuốc trừ sâu.

❖ Du lịch bản địa: du lịch bản địa/ dân tộc đề cập đến một loại hình du lịch, nơi đồng bào dân tộc thiểu số hoặc người dân bản địa tham gia trực tiếp vào hoạt động du lịch, nền văn hóa vốn có của họ chính là yếu tố chính thu hút khách du lịch.

❖ Du lịch làng: khách du lịch chia sẻ các hoạt động trong cuộc sống thôn bản, và các làng nông thôn thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động du lịch. Dân làng cung cấp các dịch vụ ăn ở, nhà trọ cho khách nghỉ ngơi qua đêm. Nhà trọ chính là các điểm kinh doanh du lịch, trong đó khách du lịch ở lại qua đêm trong những ngôi nhà làng, cùng với một gia đình. Khách du lịch có thể chọn nhà nghỉ, các nhà nghỉ này được hoạt động bởi một hợp tác xã, làng hoặc cá nhân, cung cấp cho du khách không gian riêng tư hơn, thoải mái cho cả họ và đôi khi cũng là thoải mái hơn cho chủ nhà.

❖ Du lịch làng nghề truyền thống: Du lịch làng nghề truyền thống là hình thức du lịch mà ở đó mục tiêu của du khách là muốn tìm hiểu về các làng nghề có lịch sử lâu đời. Các sản phẩm thủ công mỹ nghệ như mây tre đan, đồ gốm, đồ dệt, chạm khắc gỗ, đồ da, đồ trang sức, nhạc cụ, giấy, quần áo,... tạo ra sức hút rất lớn đối với du khách. Do đó, du khách đến các làng nghề với mong muốn được tìm hiểu về các sản phẩm này, quy trình làm ra chúng và được tự tay làm ra một sản phẩm của riêng mình. Thực tế này tạo ra cơ hội cho du lịch cộng đồng phát triển. Du khách sẽ được hướng dẫn làm sản phẩm và trải nghiệm cuộc sống cùng người dân làng nghề nơi đây. Hình thức này giúp cho du khách có thể tiếp cận với những sản phẩm truyền thống, đặc trưng của địa phương. Qua đó tìm hiểu cách thức sản xuất và đời sống sinh hoạt của những người tạo ra những sản phẩm đó. Không những vậy, hình thức du lịch này còn quảng bá hình ảnh của các sản phẩm truyền thống tại địa phương đến với du khách. Hơn nữa, nó cũng giúp đem lại thêm thu nhập cho làng nghề từ các hoạt động khai thác du lịch.

### 1.2.2.3. Đặc điểm của du lịch cộng đồng

Du lịch cộng đồng là loại hình du lịch mà cộng đồng dân cư là những người được tham gia ngay từ đầu và trong suốt quá trình phát triển du lịch: từ khâu nghiên cứu, lập



dự án quy hoạch phát triển du lịch, tham gia với vai trò quản lý và quyết định các vấn đề phát triển du lịch, triển khai các hoạt động kinh doanh, cung cấp các sản phẩm du lịch phục vụ du khách. Họ giữ vai trò chủ đạo phát triển và duy trì các dịch vụ. Hoạt động này có tính đến hiệu quả và chịu sự điều tiết của các quy luật kinh tế thị trường.

Địa điểm tổ chức phát triển du lịch dựa vào cộng đồng diễn ra tại nơi cư trú hoặc gần nơi cư trú của cộng đồng địa phương. Đây là những khu vực có tài nguyên du lịch tự nhiên và nhân văn phong phú, hấp dẫn, có độ nhạy cảm cao về đa dạng sinh học, chính trị, văn hóa, xã hội và hiện đang bị tác động bởi con người.

Cộng đồng dân cư phải là người dân sinh sống làm ăn trong hoặc liền kề các điểm tài nguyên du lịch, đồng thời cộng đồng phải có trách nhiệm tham gia bảo vệ tài nguyên môi trường nhằm hạn chế, giảm tác động tiêu cực từ chính việc khai thác tài nguyên của cộng đồng và hoạt động của khách du lịch.

Du lịch cộng đồng có nghĩa là giao quyền cho cộng đồng, cộng đồng được khuyến khích tham gia và đảm nhiệm các hoạt động du lịch và bảo tồn tài nguyên.

Phát triển du lịch cộng đồng phải đảm bảo sự công bằng trong việc chia sẻ nguồn lợi từ thu nhập du lịch cho cộng đồng và các bên tham gia.

Phát triển du lịch cộng đồng góp phần làm đa dạng hóa các ngành kinh tế trong khi vẫn duy trì và phát triển các ngành kinh tế truyền thống.

Du lịch cộng đồng còn bao gồm các yếu tố trợ giúp, tạo điều kiện của các bên tham gia trong đó vai trò của các tổ chức chính phủ, phi chính phủ, các cấp quản lý Nhà nước, Ban quản lý...

#### 1.2.2.4. Nguyên tắc của du lịch cộng đồng

Các loại hình du lịch dựa vào cộng đồng thực chất là các loại hình phát triển du lịch bền vững, có trách nhiệm với tài nguyên môi trường cũng như sự phát triển của cộng đồng – chủ thể của các hoạt động du lịch và nguồn lợi từ các hoạt động này là hướng vào cộng đồng. Vì thế, khi phát triển du lịch cộng đồng cần thực hiện các nguyên tắc sau:

- Thừa nhận, ủng hộ và thúc đẩy mối quan hệ sở hữu của cộng đồng về du lịch;
  - Lấy ý kiến của các bên tham gia, tôn trọng ý kiến của cộng đồng, bảo đảm những kiến nghị của cộng đồng được chuyển đến những người có trách nhiệm xem xét và giải quyết;
  - Ngay từ đầu thu hút, khuyến khích sự tham gia của cộng đồng vào tất cả các lĩnh vực hoạt động du lịch và bảo tồn;
  - Phát triển du lịch như một công cụ giúp cộng đồng sử dụng để phát triển trong khi vẫn duy trì sự đa dạng kinh tế không làm giảm các ngành nghề truyền thống;
  - Tăng cường giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực địa phương;
  - Hỗ trợ địa phương trong hoạt động du lịch và phát triển kinh tế - xã hội;
  - Cải thiện chất lượng cuộc sống của cộng đồng;
  - Thúc đẩy niềm tự hào của cộng đồng bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa;
  - Tăng cường giao lưu văn hóa truyền thống;
  - Khai thác, bảo tồn các nguồn lực theo hướng thận trọng, tiết kiệm, bền vững;
  - Giảm tiêu thụ và giảm xả thải;
  - Tôn trọng những giá trị văn hóa và phương cách sống của con người;
  - Phân chia lợi nhuận một cách công bằng giữa các thành viên của cộng đồng.
- Phần lớn nguồn thu từ du lịch dành cho phát triển cộng đồng;
- Hòa nhập quy hoạch phát triển du lịch vào phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch môi trường;
  - Tiếp thị trung thực và có trách nhiệm;
  - Tăng cường nghiên cứu thống kê, hợp tác phát triển du lịch.

#### 1.2.2.5. Các bên tham gia vào du lịch cộng đồng

- ❖ Cộng đồng địa phương:

Hoạt động du lịch cộng đồng hướng tới nhấn mạnh yếu tố cộng đồng và vì mục tiêu phát triển cộng đồng và bảo tồn, do vậy cộng đồng địa phương là yếu tố hàng đầu.

Cộng đồng địa phương là nhân tố hình thành, nuôi dưỡng, bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa bản địa: nghệ thuật kiến trúc trang trí nhà, nghệ thuật sản xuất hàng thủ công mỹ thuật truyền thống, nghệ thuật ẩm thực, văn hóa ứng xử, lễ hội, văn hóa dân gian, văn hóa nghệ thuật truyền thống, tôn giáo tín ngưỡng... Đây là nguồn tài nguyên có sức hấp dẫn đặc biệt đối với khách du lịch.

Bên cạnh đó, cộng đồng địa phương còn là người sản xuất các nông phẩm cung cấp cho khách du lịch, đồng thời họ tham gia các hoạt động du lịch, tạo ra các sản phẩm du lịch phục vụ du khách trong quá trình du lịch tại điểm đến. Đây là chủ thể của mọi hoạt động du lịch và bảo tồn ở địa phương và thu lợi từ hoạt động du lịch tại địa phương. Du khách có thực hiện được mục đích chuyến đi của mình hay không, có được đáp ứng những nhu cầu du lịch hay không phụ thuộc chủ yếu vào cộng đồng địa phương và môi trường sống của họ.

Thực tế, cộng đồng địa phương làm du lịch thường sống tại các làng bản có địa hình cách trở, xa trung tâm văn hóa kinh tế chính. Các tài nguyên như khí hậu, đất đai, nguồn nước khó khăn, giao thông kém phát triển, trình độ kinh tế văn hóa còn lạc hậu. Do vậy, trình độ văn hóa nhận thức của cộng đồng nói chung, đặc biệt nhận thức về du lịch, môi trường còn thấp, dễ bị suy thoái về văn hóa, chất lượng cuộc sống thấp. Đây là những khó khăn, hạn chế lớn đối với cộng đồng địa phương khi tham gia vào hoạt động du lịch.

Vì vậy, các hoạt động du lịch cần được quy hoạch, quản lý tổ chức hợp lý, đúng đắn theo hướng bền vững ngay từ đầu và trong quá trình phát triển. Đặc điểm các cộng đồng địa phương đó là sự gắn kết tình cảm lâu đời, có quan hệ huyết thống, vì thế quan hệ ứng xử của cộng đồng thường theo thứ bậc, tôn kính trưởng họ, già làng, trưởng bản. Những người này có uy tín và được tôn kính đối với cộng đồng và am hiểu về văn hóa cũng như phương cách sống của cộng đồng, có vai trò dẫn dắt cộng đồng. Họ thường là những người đại diện cho cộng đồng, tham gia vào các dự án, các quyết định phát triển du lịch, các vị trí trưởng nhóm kinh doanh, trưởng ban du lịch của các bản.

❖ Chính quyền địa phương:

Là người được cộng đồng địa phương tín nhiệm, bầu ra và đại diện cho cộng đồng. Họ là những người lãnh đạo, có vai trò tổ chức và quản lý, tăng cường sức mạnh đoàn kết tập thể của cộng đồng, đặc biệt phát huy tiềm năng, thế mạnh của cộng đồng trong mọi hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội của cộng đồng theo các chủ trương, đường lối của nhà nước và pháp luật, là cầu nối giữa cộng đồng với thế giới bên ngoài.

❖ Các tổ chức, các nhà tài trợ, các tổ chức thuộc chính phủ và phi chính phủ, các nhà khoa học...

Là nhân tố hỗ trợ cộng đồng về việc lập dự án quy hoạch, phát triển du lịch, tài chính, vốn, kỹ thuật, kinh nghiệm và cơ chế chính sách để phát triển du lịch cộng đồng. Các tổ chức này có vai trò là người chỉ lối dẫn đường, giúp cộng đồng thực hiện các mục tiêu phát triển du lịch trong giai đoạn đầu, đưa ra các phương pháp làm du lịch. Sau một thời gian du lịch hoạt động, họ sẽ trao quyền quản lý cho cộng đồng và chính quyền địa phương.

❖ Các doanh nghiệp lữ hành và dịch vụ du lịch:

Là cầu nối giữa khách du lịch với cộng đồng, giữ vai trò môi giới trung gian để bán sản phẩm du lịch cho cộng đồng và cung cấp một phần sản phẩm du lịch mà cộng đồng chưa cung ứng đủ, đảm bảo cho sự đa dạng và chất lượng cho sản phẩm du lịch. Họ có thể sử dụng lao động là người địa phương, góp phần tạo công ăn việc làm và thu nhập cho người dân bản địa. Bên cạnh đó, họ góp phần vào việc chia sẻ lợi ích từ du lịch cho cộng đồng bằng việc đóng thuế, phí môi trường, mua vé thắng cảnh cho cộng đồng.

❖ Khách du lịch:

Là yếu tố cầu du lịch. Thực tế tại nhiều mô hình phát triển du lịch cộng đồng, phần lớn khách du lịch đến từ các nước phát triển. Do vậy, họ có thói quen ăn ở vệ sinh và sống tiện nghi. Đây chính là những khó khăn trong việc đảm bảo sự hài lòng của khách du lịch đối với sản phẩm du lịch cộng đồng.

1.2.2.6. Các nhân tố ảnh hưởng đến du lịch cộng đồng

❖ An ninh chính trị:

Đề du lịch không ngừng phát triển trở thành ngành kinh tế ổn định, sự phối hợp giữa an ninh quốc phòng có ý nghĩa quan trọng. Sự đảm bảo vững chắc về an ninh quốc phòng tạo môi trường ổn định cho đất nước nói chung và địa điểm du lịch nói riêng tới tham quan.

Du lịch là những giá trị vật chất và tinh thần độc đáo khác lạ của quê hương mình. Bầu chính trị hòa bình, hữu nghị sẽ kích thích sự phát triển của du lịch quốc tế. Một quốc gia bất ổn về chính trị, xung đột về sắc tộc, tôn giáo làm ảnh hưởng tới việc phát triển du lịch, tạo cảm giác không an toàn, hoài nghi, tâm lý sợ hãi làm cho số lượng du khách ngày càng giảm. Các cuộc biểu tình chống đối nhà nước, các cuộc tranh chấp của các đảng phái chính trị gây nên sự bất ổn chính trị, các cuộc xung đột giữa người dân bản xứ và khách du lịch cũng là một vấn đề nhạy cảm mà chính quyền địa phương quan tâm.

❖ Điều kiện kinh tế:

Một trong những yếu tố quan trọng có ảnh hưởng đến sự phát triển du lịch nói chung và du lịch cộng đồng nói riêng là điều kiện kinh tế. Nền kinh tế của đất nước có phát triển thì sự phát triển của ngành du lịch mới đảm bảo. Theo ý kiến của các chuyên gia kinh tế hàng đầu thuộc Hội đồng Kinh tế và Xã hội của Liên Hợp Quốc, một đất nước có thể phát triển du lịch một cách vững chắc nếu đất nước đó tự sản xuất được phần lớn số của cải vật chất cần thiết cho du lịch. Vì vậy hướng làm du lịch cộng đồng tận dụng nguồn lao động sẵn có với vốn liếng chính là nền văn hóa bản địa của địa phương làm gia tăng số của cải cho chính họ.

Khi nói đến nền kinh tế của một địa phương, một đất nước không thể không nói đến giao thông vận tải. Giao thông vận tải là một trong những nhân tố chính tạo nên sự phát triển du lịch, đặc biệt là du lịch quốc tế. Giao thông ảnh hưởng đến số lượng và chất lượng khách tới tham quan. Với mạng lưới giao thông thuận lợi trên mọi miền trong nước và nước ngoài sẽ làm cho người có nhu cầu du lịch có sự thoải mái và cảm nhận về không gian tuy xa nhưng lại có cảm giác gần. Chất lượng phương tiện giao

thông về tốc độ, an toàn, tiện nghi và giá cả cũng ảnh hưởng đến việc du khách có muốn trở lại tham quan những lần sau thêm nữa không.

Khi thu nhập ngày càng cao nhu cầu được nghỉ ngơi, giải trí và giao lưu tình cảm xuất hiện. Hiện nay, trong các nước kinh tế phát triển, du lịch trở thành nhu cầu không thể thiếu trong cuộc sống của họ. Trong phát triển du lịch luôn xem kinh tế là một nguồn lực quan trọng. Sự tác động của điều kiện kinh tế đến sự phát triển du lịch thể hiện ở nhiều góc độ khác nhau.

❖ Văn hóa:

Trình độ văn hóa cao tạo điều kiện cho việc phát triển du lịch. Phần lớn những người tham gia du lịch có trình độ văn hóa nhất định, nhất là những người đi du lịch nước ngoài. Bởi họ muốn khám phá, tìm hiểu những danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử văn hóa dân tộc để vừa thư giãn vừa có thể góp phần nâng cao hiểu biết. Bên cạnh đó, trình độ của người dân nước sở tại, nơi đón khách cũng cần được chú ý, vì du lịch cộng đồng nên hầu hết người dân cùng làm du lịch cần có những kiến thức cơ bản để giao tiếp cũng như làm hài lòng khách du lịch tới tham quan.

Việc phát triển mang dấu ấn con người, tức là con người thông qua trí tuệ của mình đưa ra các biện pháp cách thức để giữ gìn môi trường và làm giàu đẹp nền văn hóa địa phương là một trong những mục đích mà du lịch cộng đồng hướng đến.

❖ Tài nguyên du lịch:

Tài nguyên du lịch có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc phát triển du lịch. Tài nguyên là tất cả những giá trị vật chất và tinh thần được khai thác phục vụ cho mục đích phát triển con người. Xét dưới góc độ cơ cấu tài nguyên du lịch, có thể phân thành hai loại là: tài nguyên du lịch tự nhiên (địa hình, khí hậu, tài nguyên nước, hệ động thực vật) và tài nguyên du lịch nhân văn (di tích lịch sử văn hóa, các bảo tàng, các lễ hội...).

Di sản thế giới: đây được coi là tiềm năng lớn nhất và quan trọng nhất. Di sản văn hóa được hiểu là toàn bộ các tạo phẩm chứa những giá trị tích cực mà loài người

đã đạt được trong xã hội thực tiễn do thế hệ trước truyền lại cho thế hệ sau. Di sản văn hóa được chia làm hai loại là di sản văn hóa vật thể và di sản văn hóa phi vật thể.

- Di sản văn hóa vật thể: là sản phẩm vật chất có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học. Toàn bộ các sản phẩm vật chất hiện hữu được hình thành do bàn tay sáng tạo của con người như hệ thống di tích lịch sử văn hóa, hệ thống danh lam thắng cảnh, hệ thống di tích cổ vật, bảo vật quốc gia.

- Di sản phi vật thể: sản phẩm tinh thần có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học được lưu giữ bằng trí nhớ, chữ viết, truyền miệng, truyền nghề, trình diễn, lễ hội truyền thống, trang phục truyền thống...

#### 1.2.2.7. Những tác động của hoạt động du lịch cộng đồng

❖ Tác động tích cực:

- Đến kinh tế: tạo ra thu nhập cho cộng đồng từ sự chi trả của khách qua việc xuất khẩu tại chỗ, tạo thị trường đầu ra cho sản phẩm, kích thích, thúc đẩy các ngành kinh tế truyền thống phát triển. Phát triển kết cấu hạ tầng, tăng thêm nguồn thu cho ngân sách địa phương qua việc sử dụng vốn đầu tư, viện trợ, sự trợ giúp về công nghệ và kinh nghiệm cho phát triển kinh tế.

- Đến chính trị: qua việc người dân tham gia vào các hoạt động du lịch cũng như các hoạt động chung khác sẽ nâng cao quyền dân chủ, tăng quyền lực quyết định cho cộng đồng. Đảm bảo quyền làm chủ trong quản lý tài nguyên và hưởng các nguồn thu nhập từ hoạt động du lịch.

- Văn hóa – xã hội: Tăng cường giao lưu văn hóa, nâng cao nhận thức, tạo ra sự bình đẳng giới, khuyến khích việc thực hiện quyền trẻ em, giảm được những hủ tục. Tạo ra sự tôn trọng, tự hào, yêu quý văn hóa bản địa. Nâng cao chất lượng cuộc sống, chất lượng dịch vụ, kết cấu hạ tầng.

- Tài nguyên môi trường: Khuyến khích bảo tồn, tôn tạo các nguồn tài nguyên môi trường, tài nguyên văn hóa–lịch sử và tự nhiên. Khai thác tài nguyên có hiệu quả, hợp lý hơn. Tôn vinh các giá trị tài nguyên (qua quá trình thống kê, nghiên cứu lập hồ sơ quyết định xếp hạng, tuyên truyền quảng bá tài nguyên du lịch).

❖ Tác động tiêu cực:

- Kinh tế: đòi hỏi vai trò lãnh đạo, quản lý đối với chi phí vận hành cao hơn. Lợi nhuận thu được chỉ có thể làm lợi cho một số người hoặc chảy máu các nguồn lực và thu nhập cho nhiều công ty du lịch. Gia tăng tình trạng lạm phát giá cả đất đai nhà ở, dịch vụ hàng hóa. Cơ sở vật chất kỹ thuật và nguồn lao động có thể ảnh hưởng bởi tính mùa du lịch ngoài tầm kiểm soát của địa phương. Suy giảm ngành nghề truyền thống.

- Văn hóa – xã hội: thu hút khách du lịch, những người có lối sống và quan niệm khác lạ, làm thay đổi các giá trị truyền thống, xung đột với truyền thống văn hóa bản địa. Cư dân địa phương phải chia sẻ nguồn tài nguyên với người ngoài địa phương. Gia tăng mối bất hòa giữa những người được hưởng lợi từ du lịch và không được hưởng lợi, trong nhiều trường hợp người dân chỉ được tham gia những công việc vất vả, có thu nhập thấp, trở thành người làm thuê, bị bóc lột, sự ràng buộc họ hàng bị rạn nứt. Làm gia tăng tệ nạn xã hội, tăng khoảng cách giàu nghèo.

- Môi trường: Việc phát triển du lịch thiếu quy hoạch sẽ làm thay đổi, giảm thiểu chất lượng tài nguyên, môi trường tự nhiên – văn hóa. Kết cấu hạ tầng nhanh chóng xuống cấp.

#### 1.2.2.8. Các phương pháp và chỉ số đánh giá du lịch cộng đồng

❖ Tác động tới mức độ phát triển:

Việc thu hút được nhiều khách, đặc biệt là khi du khách đến tham quan du lịch cộng đồng tại các địa phương sẽ mang lại một nguồn thu nhập cho chính cộng đồng tại địa phương đó. Do hầu hết các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ phục vụ cho du lịch đều được cung ứng từ người dân tại địa phương. Đó là lợi ích kinh tế mà du lịch mang lại. Tuy nhiên, thu nhập do du lịch cộng đồng mang lại có nhiều tính chất ưu việt so với các hình thức du lịch khác, do người dân địa phương sẽ là người hưởng lợi đầu tiên chứ không phải là các công ty du lịch hay đối tượng khác.

Đầu tiên, du lịch cộng đồng chia sẻ lợi ích cho rất nhiều cá nhân trong cộng đồng chứ nguồn thu không chảy vào túi của nhà đầu tư như trước đây. Khách du lịch không



còn sử dụng sản phẩm duy nhất của các công ty du lịch mà họ còn sử dụng các dịch vụ do người dân bản địa cung cấp.

Du lịch cộng đồng không chỉ mang lại nguồn thu tạm thời cho người dân mà hứa hẹn một nguồn thu ổn định và dài hạn. Chính vì vậy cộng đồng cũng có trách nhiệm bảo tồn các giá trị văn hóa thiên nhiên nơi họ đang sống. Người dân có thể hiểu, các giá trị văn hóa bị mất đi, môi trường bị hủy hoại đồng nghĩa với nguồn thu này sẽ mất đi.

Các chỉ tiêu đánh giá:

- Lượng du khách đến địa phương hằng năm;
- Phân loại du khách và thời gian lưu trú tại địa phương;
- Lợi ích việc làm: số lượng việc làm trực tiếp và gián tiếp do du lịch cộng đồng tạo ra;
- Tăng trưởng kinh tế cho địa phương: Doanh thu từ hoạt động du lịch cộng đồng, tỷ lệ giữa doanh thu khách nội địa và doanh thu khách du lịch quốc tế, tỷ lệ hộ thu nhập thấp được hưởng lợi ích kinh tế từ du lịch.

❖ Tính ổn định và phát triển của văn hóa – xã hội tại địa phương:

Văn hóa là một tài nguyên vô cùng quý giá trong du lịch cộng đồng. Khách du lịch thường muốn tìm hiểu và hòa mình vào các hoạt động văn hóa của chính địa phương và du lịch cộng đồng tạo nên sự giao lưu giữa các nền văn hóa khác nhau. Do vậy, việc đánh giá tính ổn định và sự phát triển của văn hóa – xã hội tại địa phương là rất cần thiết.

Có thể thấy rằng khi có nguồn tài nguyên thiên nhiên và văn hóa sẽ thu hút du khách đến và tạo thu nhập cho cộng đồng. Từ đó khuyến khích cộng đồng tham gia cung cấp dịch vụ cho du khách. Nếu họ mất đi sự độc đáo về văn hóa thì nguồn hấp dẫn khách du lịch sẽ giảm dần, kéo theo thu nhập giảm xuống. Muốn điều đó không xảy ra thì phải tích cực tham gia vào các hoạt động để bảo tồn nguồn văn hóa đặc sắc của chính họ.

Phát triển du lịch cộng đồng tức dần dần trao trách nhiệm vào tay cộng đồng người dân. Không chỉ vậy, khi họ là người hưởng lợi đầu tiên thì họ sẽ tham gia vào bảo tồn chính bản sắc. Khi quyền tự quyết thuộc về cộng đồng sẽ đề cao trách nhiệm và sự cam kết của cộng đồng cho vấn đề bảo tồn văn hóa. Nếu hệ thống du lịch không phát triển sẽ rất dễ bị mài mòn về văn hóa do hệ thống du lịch yếu kém. Còn khi phát triển thì cộng đồng có thể nhận được nhiều sự giúp đỡ của các tổ chức phi chính phủ để góp phần phát triển nét văn hóa của địa phương mình.

Trên quan điểm lợi ích kinh tế, do lợi ích lúc này được chia đều cho người dân nên khoảng cách giàu nghèo được rút gọn, giảm đi mâu thuẫn trong xã hội, tạo ra phúc lợi, đời sống nhân dân được cải thiện, đó là một yếu tố làm nên sự bền vững cho xã hội. Bên cạnh cũng có những mặt khó khăn mà du lịch cộng đồng phải đổi mặt cần có cái nhìn toàn diện để phân tích và đưa ra các giải pháp.

Các chỉ tiêu đánh giá:

- An sinh xã hội: số hộ dân tham gia làm du lịch, giải quyết cho bao nhiêu người có công ăn việc làm, chia sẻ lợi ích từ du lịch, giảm khoảng cách giàu nghèo;
- Bảo tồn các nét văn hóa vật thể và phi vật thể: các nét văn hóa mới tốt và xấu du nhập vào cộng đồng theo thời gian, số lượng tổ chức các hoạt động văn hóa địa phương trong năm, công tác bảo tồn di tích, nét văn hóa truyền thống.

❖ Ảnh hưởng tới môi trường:

Nhu cầu du lịch của khách là muốn nghỉ ngơi tại những khu vực có nhiều cảnh quan với môi trường trong lành, điều đó kích thích việc tôn tạo, bảo vệ môi trường sinh thái. Trong bối cảnh ô nhiễm môi trường trên toàn cầu như hiện nay thì việc phát triển du lịch cộng đồng là một trong những giải pháp khả thi góp phần vào việc giáo dục người dân và du khách về vấn đề bảo vệ môi trường.

Giáo dục bảo vệ môi trường trong các tour du lịch cộng đồng giúp thay đổi và cải thiện đáng kể nhận thức của các bên đang khai thác du lịch cộng đồng ở địa phương trong vấn đề cần phải bảo vệ môi trường và chính lợi ích của họ.

Các chỉ tiêu đánh giá:

- Ngân sách đầu tư vào bảo tồn và tôn tạo các dự án về cải thiện môi trường;
- Thay đổi về lượng rác thải sinh ra;
- Nhận thức của du khách về vấn đề bảo vệ cảnh quan, môi trường;
- Chi phí xử lý rác thải của địa phương và của cả doanh nghiệp.

### **1.3. Một số mô hình phát triển du lịch cộng đồng ở nước ta**

#### **❖ Du lịch cộng đồng ở Hội An, Quảng Nam:**

Quảng Nam vốn đã được biết đến với các sản phẩm du lịch văn hóa: Di sản văn hóa thế giới Hội An và Mỹ Sơn, các di sản vật thể và phi vật thể đa dạng khác. Thương hiệu du lịch Hội An được đánh giá cao với 34 danh hiệu được các tổ chức, tạp chí, trang web du lịch bình chọn kể từ năm 2011 trở lại đây. Bên cạnh đó, du lịch biển, đảo cũng được xem là thế mạnh của Quảng Nam với trên 125 km bờ biển với nhiều resort biển cao cấp, đặc biệt là khu dự trữ sinh quyển thế giới Cù Lao Chàm. Vài năm trở lại đây, Quảng Nam tập trung phát triển loại hình du lịch dựa vào cộng đồng ở khu vực nông thôn, miền núi với mục tiêu phát triển du lịch có trách nhiệm với môi trường và xã hội.

Từ năm 2010 trở lại đây, Quảng Nam đã hình thành các điểm du lịch mới ở khu vực nông thôn phụ cận Hội An và miền núi phía Tây gắn với loại hình du lịch cộng đồng, các làng nghề truyền thống. Cũng theo xu hướng đó, loại hình lưu trú nhà dân (homestay) phát triển mạnh tại Hội An. Không gian du lịch Quảng Nam đang dần được mở rộng tới Điện Bàn (làng Triêm Tây, không gian nhà Việt Nam Vinahouse Space), Duy Xuyên (làng Trà Nhiêu, làng Mỹ Sơn), Đông Giang (làng Bơ Hông, làng Đơ Rông), Nam Giang (làng Zara). Với sự hoàn thành công trình Cầu Cửa Đại và Tượng đài Mẹ Việt Nam Anh Hùng, khu vực phía Nam đang đứng trước triển vọng phát triển các sản phẩm du lịch tìm hiểu lịch sử cách mạng, du lịch biển gắn với loại hình du lịch cộng đồng.

Đến với các làng du lịch cộng đồng tại Quảng Nam, du khách có cơ hội trải nghiệm văn hóa bản địa của từng cộng đồng. Chẳng hạn, nếu đến Triêm Tây hoặc Trà Nhiêu, du khách được tham gia các hoạt động như chèo thuyền, đánh cá trên sông, thả

điều, dệt chiếu, nghe hát bài chòi...; qua đó hiểu biết hơn về đời sống sinh hoạt của cư dân vùng nông thôn xứ Quảng bên dòng sông mẹ Thu Bồn. Xa hơn một chút về phía Tây, du khách có thể lựa chọn các làng du lịch dựa vào cộng đồng Cơ tu như Zara, Bơ Hông, Đơ Rông để có một trải nghiệm rất khác về Quảng Nam. Giữa núi ngàn núi rừng hùng vĩ, du khách được tiếp xúc với những người Cơ tu hồn hậu trong ngôi nhà Gươl, cảm nhận hương vị núi rừng qua từng món ăn, cốc nước, thưởng thức điệu múa cồng chiêng, nghề dệt thổ cẩm truyền thống, hay thư giãn dạo bộ trong rừng...Sắp tới đây, sẽ còn nhiều làng du lịch cộng đồng như thế được phát triển để du khách có điều kiện khám phá tường tận hơn vẻ đẹp của vùng đất Quảng Nam. Riêng đối với đô thị cổ Hội An, loại hình lưu trú nhà dân (homestay) cũng mang đến phương thức du lịch thú vị, giúp khách du lịch vừa tiết kiệm chi phí, vừa hiểu biết rõ hơn về vùng đất cảng thị một thời và những cư dân phố Hội.

Loại hình du lịch cộng đồng rất phù hợp với tài nguyên du lịch văn hóa và tự nhiên của Quảng Nam - nơi còn có rất nhiều làng quê, làng nghề truyền thống. Hơn thế nữa, du lịch cộng đồng thúc đẩy sự giao lưu văn hóa, tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau giữa người dân địa phương và du khách. Không chỉ mang lại lợi ích dễ nhận thấy về mặt kinh tế, loại hình du lịch dựa vào cộng đồng còn mở ra cơ hội để người dân Quảng Nam tự nâng cao năng lực, cập nhật kiến thức, kỹ năng trong hội nhập. Thông qua phát triển du lịch cộng đồng, chúng tôi tin rằng bản sắc văn hóa địa phương sẽ được bảo tồn và trân trọng, môi trường tự nhiên cũng được cải thiện, một số vấn đề xã hội như thiếu việc làm ở nông thôn, bất bình đẳng giới cũng được dần dần giải quyết. Do đó, ngành Du lịch Quảng Nam sẽ tiếp tục đầu tư hoàn thiện các điểm đến hiện có, xây dựng các làng du lịch cộng đồng mới, quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn về du lịch cộng đồng ASEAN và xây dựng thương hiệu cho loại hình du lịch này

Song song với khai thác các di sản văn hóa và tài nguyên biển, đảo; phát triển du lịch dựa vào cộng đồng có thể trở thành lợi thế mới của du lịch Quảng Nam như nhiều điểm đến du lịch ASEAN đã khai thác thành công. Loại hình du lịch này sẽ mang lại lợi ích cả về kinh tế, môi trường và xã hội để du lịch Quảng Nam phát triển bền vững trong những năm tới.

❖ Du lịch cộng đồng ở Vịnh Hạ Long:

Vịnh Hạ Long, nơi đã 2 lần được tổ chức UNESCO công nhận là di sản thiên nhiên thế giới, với nhiều tiềm năng thế mạnh về cảnh quan, giá trị địa chất địa mạo, giá trị đa dạng sinh học, giá trị văn hoá lịch sử... chính là điều kiện thuận lợi để phát triển loại hình du lịch cộng đồng.

Ngoài những giá trị ngoại hạng, mang tính toàn cầu, vùng di sản thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long còn là một trong những cái nôi cư trú của người Việt cổ. Theo các nhà khoa học, đây là một nền văn hoá có những đặc trưng riêng, phân bố tập trung tại một khu vực độc lập nhưng không hề biệt lập, nó gắn liền với những nền văn hoá Hoà Bình - Bắc Sơn nổi tiếng của dân tộc. Cho đến nay, các nhà khảo cổ đã xác định, lịch sử văn hoá Hạ Long với 3 nền văn hoá khảo cổ kế tiếp nhau, từ hậu kỳ đá cũ, sơ kỳ đá mới đến hậu kỳ đá mới cách ngày nay từ 18.000 năm đến 3.500 năm, đó là văn hoá Soi Nhụ, văn hoá Cái Bèo và văn hoá Hạ Long. Ngày nay, những giá trị của nền văn hoá ấy tiếp tục được duy trì và phát triển cùng với sự tồn tại của cộng đồng ngư dân sống trên vịnh tại các làng chài như: Ba Hang, Hoa Cường, Bò Nâu, Cửa Vạn, Vông Viêng... Hầu hết cộng đồng ngư dân Hạ Long vẫn sống bằng nghề chài lưới và còn giữ được nhiều phong tục mang đặc trưng của cư dân vùng biển. Vì thế, việc phát triển mô hình du lịch cộng đồng tại đây không chỉ là đã giới thiệu đến du khách mà còn là biện pháp để người dân ý thức được sự cần thiết của việc gìn giữ và phát huy bản sắc văn hoá truyền thống. Từ chiếc thuyền mang dáng dấp cổ xưa đến các phương tiện và cách đánh bắt các loại hải sản, cách chữa bệnh từ cây cỏ trên núi; từ phong tục cưới hỏi đến việc sinh nở, chăm sóc và nuôi dạy trẻ em trên biển; từ việc sinh hoạt, ăn ở, nấu nướng của nhiều thế hệ trên cùng một con thuyền lên đến việc dựng những ngôi nhà nổi có phần hiện đại...

Tham gia du lịch cộng đồng tại vùng vịnh Hạ Long, du khách không chỉ được xem, thưởng thức mà còn được hoà mình vào các giá trị văn hoá bản địa. Du khách sẽ được trải nghiệm cùng ngư dân trong cuộc sống sinh hoạt và sản xuất hàng ngày; được nghe các câu hò sau những ngày ra khơi đánh bắt hải sản, những lời hát giao duyên vào những đêm trăng; được thưởng thức các món ăn đặc sản biển và được nghe giới

thiệt các giá trị nhân văn truyền thống, tự nhiên của di sản Vịnh Hạ Long từ chính những ngư dân vạn chài Hạ Long thể hiện.

Mới đây, UBND tỉnh Quảng Ninh đã có chủ trương cho phép Ban Quản lý Vịnh Hạ Long nghiên cứu, xây dựng đề án phát triển du lịch cộng đồng tại làng chài Cửa Vạn - làng chài lớn nhất trên Vịnh Hạ Long. Mục đích của dự án là nhằm khôi phục, gìn giữ những giá trị văn hoá nhân văn truyền thống; giới thiệu, quảng bá các giá trị văn hoá vật thể, phi vật thể đặc trưng tiêu biểu của cộng đồng ngư dân bản địa trong khu vực di sản đối với khách tham quan du lịch, góp phần bảo tồn, khai thác bền vững các giá trị di sản Vịnh Hạ Long; tạo sản phẩm du lịch mới hấp dẫn; hỗ trợ thêm sinh kế ổn định cho ngư dân địa phương.

Để mô hình du lịch cộng đồng ở vùng Vịnh Hạ Long có thể phát triển, trên tinh thần tham gia tự nguyện của cộng đồng ngư dân vạn chài, Ban Quản lý Vịnh Hạ Long đã phối hợp với các ban, ngành liên quan tổ chức giúp đỡ bà con được tìm hiểu, tiếp cận về “du lịch cộng đồng” và tham quan thực tế tại một số điểm du lịch cộng đồng như: Vườn quốc gia Xuân Thủy (Nam Định), Tam Cốc, Bích Động (Ninh Bình). Mặc dù đã tiếp cận với việc phát triển du lịch trên Vịnh Hạ Long, nhưng với mô hình du lịch cộng đồng, hầu hết bà con ngư dân trên Vịnh nói chung cũng như làng chài Cửa Vạn nói riêng đều cảm thấy rất phấn khởi khi được biết loại hình du lịch này sẽ phát triển ở Vịnh Hạ Long trong một tương lai không xa.

Có thể nói, ở Hạ Long - Quảng Ninh, việc phát triển du lịch cộng đồng còn là một hướng tiếp cận mới, song đây chính là hướng tiếp cận phù hợp với xu thế phát triển trong lĩnh vực du lịch của khu vực và thế giới. Đặc biệt, khi các sản phẩm du lịch ở Vịnh Hạ Long chưa đa dạng, chưa thực sự hấp dẫn thì để kéo dài thời gian lưu trú của khách, loại hình du lịch cộng đồng ra đời sẽ góp phần làm đa dạng hơn sản phẩm du lịch ở đây. Với sự giúp đỡ, hỗ trợ của các cơ quan ban, ngành, chính quyền địa phương liên quan, đặc biệt sự tự nguyện tham gia nhiệt tình của bà con vạn chài Cửa Vạn, hy vọng dự án sớm được triển khai và đạt được hiệu quả.

## **CHƯƠNG II: TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DU LỊCH CỘNG ĐỒNG Ở LÀNG CỔ PHƯỚC TÍCH**

### **2.1. Tình hình phát triển du lịch trên địa bàn Thừa Thiên Huế 2013-2015**

#### *2.1.1. Tiềm năng phát triển du lịch ở Thừa Thiên Huế*

Có tiềm năng du lịch tự nhiên và nhân văn phong phú, hấp dẫn với quần thể di tích cổ đô và nhã nhạc cung đình Huế được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa của nhân loại, Thừa Thiên Huế đã xác định du lịch là một ngành kinh tế mũi nhọn và tập trung đầu tư phát triển mạnh mẽ.

Nằm trên trục giao thông đường bộ và đường sắt xuyên Việt, có đường thông sang Lào và đông bắc Thái Lan cùng sân bay quốc tế Phú Bài, cảng biển Chân Mây, lại cận kề những trung tâm du lịch lớn ở hai đầu nam và bắc Trung Bộ, có thể nói, Thừa Thiên Huế có điều kiện khá thuận lợi để phát triển du lịch. Trong tương lai, đây sẽ là một trong những điểm thu hút và trung chuyển du khách của miền Trung và cả nước. Trung tâm của vùng du lịch quan trọng này là thành phố Huế, một trong năm thành phố du lịch lớn của quốc gia.

Là kinh đô Việt Nam dưới triều đại phong kiến nhà Nguyễn, các giá trị di sản văn hóa nơi đây vừa hội tụ những đặc trưng và tinh hoa của văn hóa dân tộc, vừa thể hiện nét riêng hấp dẫn của một vùng văn hóa. Cùng với quần thể di tích cổ đô là di sản văn hóa thế giới, Huế cũng là nơi duy nhất ở nước ta còn lưu giữ được loại hình âm nhạc truyền thống nhã nhạc cung đình Huế, một kiệt tác di sản văn hóa phi vật thể và truyền khẩu của nhân loại được UNESCO công nhận. Sông Hương có độ dài 80km, dòng sông trong xanh uốn lượn giữa những cánh rừng, đồi núi, đồng lúa và chảy qua thành phố để rồi đổ ra biển qua cửa Thuận An. Đồi bờ sông là hệ thống lăng tẩm của các đời vua chúa cùng các đền, chùa cổ kính và những nhà vườn truyền thống độc đáo. Cạnh sông Hương là núi Ngự Bình, đồi Vọng Cảnh và xa hơn có dãy Trường Sơn hùng vĩ, trùng điệp một màu xanh thẫm ẩn hiện trong mây trắng. Đến Huế, du khách sẽ có dịp nghỉ ngơi, thư giãn tại những bãi biển đẹp như Lăng Cô, Cảnh Dương, Thuận

An,... hoặc thực hiện một tour du lịch thăm Vườn quốc gia Bạch Mã, một khu rừng nguyên sinh rộng hơn 22 nghìn ha với khí hậu mát mẻ, trong lành cùng nhiều loại động thực vật quý hiếm. Bên cạnh thế mạnh cảnh quan thiên nhiên, Huế còn lôi cuốn du khách bởi những giá trị văn hóa đặc sắc khác như thú vui ngồi thuyền thưởng thức những điệu ca, giọng hò sâu lắng, trữ tình của những cô gái Huế dịu dàng trong tà áo dài tím và vành nón trắng che nghiêng. Vùng đất này cũng nổi tiếng với nghệ thuật âm thực, các sản phẩm làng nghề và lễ hội dân gian mang đậm bản sắc dân tộc như lễ hội Cầu Ngư, Điện Hòn Chén, hội đua thuyền sông Hương và đặc biệt là Festival Huế tổ chức định kỳ hai năm một lần, hội tụ những nét văn hóa tiêu biểu của Huế, Việt Nam và các nước, thu hút hàng nghìn lượt khách du lịch trong nước và ngoài nước.

Thế mạnh tiềm năng đã tạo điều kiện giúp Thừa Thiên Huế phát triển nhiều loại hình du lịch văn hóa chất lượng cao kết hợp du lịch biển, du lịch sinh thái, thể thao mạo hiểm, nghỉ dưỡng... Tỉnh tập trung phát triển du lịch theo hướng bền vững, trên cơ sở giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống, bảo vệ tốt môi trường và cảnh quan.

### *2.1.2. Điều kiện thuận lợi và khó khăn của ngành du lịch Thừa Thiên Huế*

#### *2.1.2.1. Điều kiện thuận lợi*

Thừa Thiên Huế có lợi thế đặc biệt về vị trí địa lý kinh tế và chính trị để phát triển du lịch. Thừa Thiên Huế là tỉnh ở điểm cuối hành lang kinh tế Đông Tây nối từ Miền Điện – Đông Bắc Thái Lan – Lào – Miền Trung Việt Nam. Đây là tiền đề rất quan trọng trong việc phát triển du lịch quốc tế.

Việt Nam nói chung và Thừa Thiên Huế nói riêng có chế độ chính trị ổn định, có nguồn nhân lực dồi dào, con người thông minh, cần cù và mến khách.

Tài nguyên du lịch tự nhiên và nhân văn Thừa Thiên Huế phong phú đa dạng: khu du lịch tổng hợp quốc gia Bạch Mã – Lăng Cô – Cảnh Dương – Hải Vân; quần thể di tích cố đô Huế là di sản văn hóa thế giới; đường bờ biển dài 127km với nhiều bãi biển đẹp như Thuận An, Lăng Cô, Cảnh Dương...; Phá Tam Giang, đầm Cầu Hai có diện tích 22.000 ha, lớn nhất Đông Nam Á, có môi trường thiên nhiên độc đáo; 75%



diện tích là đồi núi tạo nên nhiều danh lam thắng cảnh nổi tiếng như đèo Hải Vân, núi Ngự Bình, đồi Vọng Cảnh, đồi Thiên An...; nhiều tour du lịch hấp dẫn như tham quan các di sản miền Trung, di tích cố đô, nhà vườn, phố cổ, chùa Huế...; tài nguyên sinh thái nghỉ dưỡng như vườn quốc gia Bạch Mã, khu bảo tồn thiên nhiên Phong Điền, suối nước nóng Thanh Tân,...; du lịch tâm linh như Chùa Thiên Mụ, đền thờ Huyền Trân công chúa,...; đặc biệt, Festival Huế cứ hai năm diễn ra một lần, là sự kiện văn hóa – du lịch có quy mô quốc gia và quốc tế, Thừa Thiên Huế đang trở thành thành phố Festival đặc trưng của Việt Nam.

Chính sách mới hội nhập đã tạo điều kiện thuận lợi cho kinh tế đối ngoại trong đó có phát triển du lịch.

Kết cấu hạ tầng cơ sở, hạ tầng kinh tế, xã hội đã được đầu tư mới hoặc nâng cấp tạo điều kiện khai thác du lịch, tăng khả năng giao lưu giữa các vùng, các quốc gia.

Nguồn nhân lực dồi dào, tăng qua các năm, đa phần được học tập từ các trường đào tạo du lịch.

Số khách sạn tiêu chuẩn từ 1-5 sao, nhà nghỉ đảm bảo phục vụ tối đa nhu cầu lưu trú của khách du lịch.

#### 2.1.2.2. Điều kiện khó khăn

Cạnh tranh với nhiều điểm tham quan trên cả nước, đặc biệt là Đà Nẵng, một thành phố du lịch phát triển bậc nhất cả nước và gần với Huế, trong khi khả năng cạnh tranh của du lịch Thừa Thiên Huế còn nhiều hạn chế.

Du lịch Thừa Thiên Huế vẫn đang trên đà của sự phát triển, điểm xuất phát thấp, hoạt động du lịch còn chủ yếu dựa vào tự nhiên.

Du lịch Thừa Thiên Huế còn thiếu sự liên kết hợp tác, chưa phát huy sức mạnh tổng hợp, hiệu quả còn thấp.

Đầu tư về du lịch đã tăng về quy mô nhưng vẫn chưa tập trung mà còn dàn trải, thiếu đồng bộ.

Đầu tư du lịch vẫn đang nặng về đầu tư cơ sở lưu trú hơn là xây dựng điểm đến, dẫn đến sự thiếu thốn về các địa điểm vui chơi mua sắm hay các khu giải trí về đêm dành cho khách du lịch.

Kinh nghiệm quản lý kinh doanh và trình độ nghiệp vụ nguồn nhân lực phục vụ cho ngành du lịch chưa cao, thiếu sự chuyên nghiệp và đồng bộ.

Vẫn còn nhiều hiện tượng tiêu cực làm khách du lịch không hài lòng như ăn xin, chèo kéo, cò mồi, “chặt chém” khách du lịch.

Mùa mưa lạnh thường kéo dài, việc khai thác du lịch vào thời điểm này gặp nhiều khó khăn do bão lụt nhiều.

Còn nhiều địa điểm tham quan tự nhiên hoang sơ, chưa được đầu tư trùng tu.

### *2.1.3. Thực trạng du lịch Thừa Thiên Huế giai đoạn 2013-2015*

Phát huy lợi thế thành phố của những di sản và lễ hội – nguồn tài nguyên quý giá của du lịch, ngành kinh tế - du lịch kết hợp với những tiềm năng khác của tỉnh Thừa Thiên Huế đã có những bước phát triển khá toàn diện và bền vững, trở thành một trong những trung tâm văn hóa, du lịch của cả nước, thực hiện sự liên kết về du lịch với các tour du lịch trong tuyến Hành lang kinh tế Đông – Tây với các điểm du lịch ở Quảng Bình, Quảng Trị, Đà Nẵng, Quảng Nam hình thành nên “Con đường di sản miền Trung”. Dịch vụ du lịch ngày càng chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu kinh tế của tỉnh, trở thành một trong ba ngành kinh tế mũi nhọn của Thừa Thiên Huế.

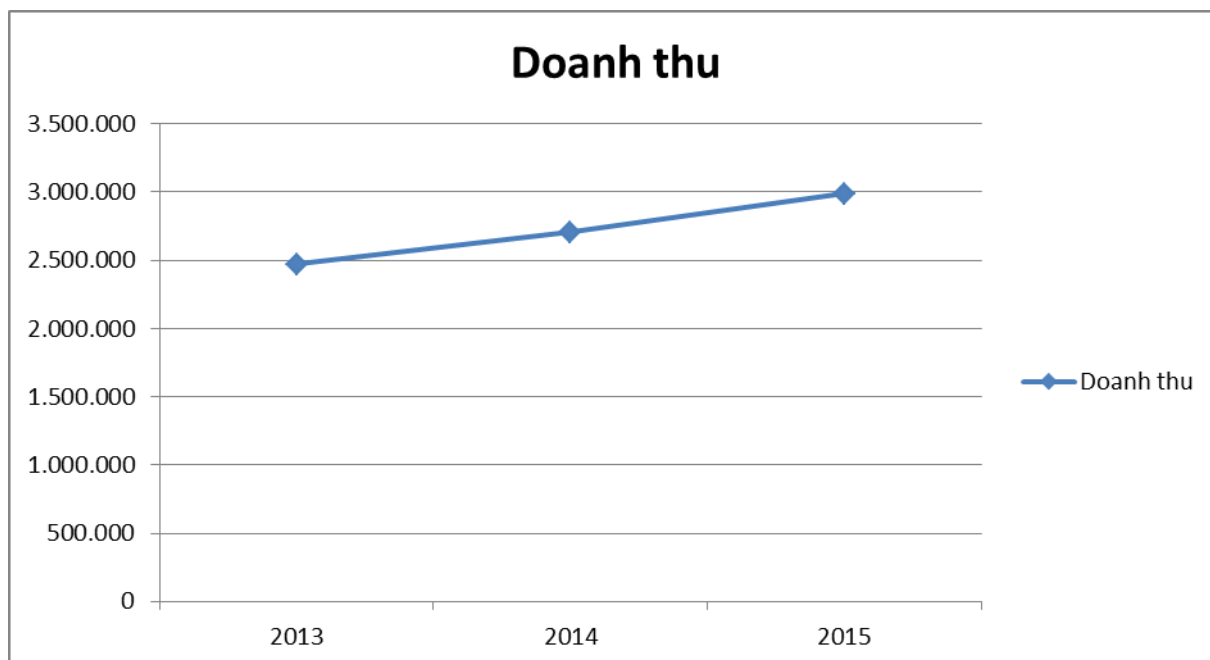
#### *2.1.3.1. Doanh thu từ hoạt động du lịch tỉnh Thừa Thiên Huế 2013-2015*

**Bảng 2.1. Doanh thu từ hoạt động du lịch tỉnh Thừa Thiên Huế 2013-2015**

*Đơn vị: triệu đồng*

Chi tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	So sánh			
				2014/2013		2015/2014	
				+/-	%	+/-	%
Doanh thu	2.469.176	2.707.847	2.985.295	238.671	9,67	277.448	10,25
Tỷ trọng trong GDP tỉnh	9,98	10,50	11,18	0,52		1,30	

*(Nguồn: Sở Văn hóa – Thể thao và Du lịch Thừa Thiên Huế)*



*(Tổng hợp từ số liệu về Doanh thu từ hoạt động du lịch giai đoạn 2013-2015)*

**Biểu đồ 2.1. Doanh thu từ du lịch tỉnh Thừa Thiên Huế 2013 - 2015**

Từ năm 2013 đến năm 2015 doanh thu từ du lịch tăng dần qua các năm cho thấy bước đi tiên bộ và hướng phát triển đúng đắn của tỉnh nhà. Festival Huế được tổ chức hai năm một lần cũng làm cho doanh thu vào các năm này tăng mạnh. Doanh thu từ du lịch của tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2013 là 2.469.176 triệu đồng, năm 2014 là 2.707.847 triệu đồng, tăng 238.671 triệu đồng, tương ứng 9,67% so với năm 2013.

Năm 2015, doanh thu đạt 2.985.295 triệu đồng, tăng 277.448 triệu đồng, tương ứng 10,25% so với năm 2014. Với định hướng ngành du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh Thừa Thiên Huế, từ năm 2013 đến 2015 tỷ trọng đóng góp vào GDP của tỉnh tăng từ 9,98% lên 11,8% khẳng định tầm quan trọng của ngành đối với sự phát triển của tỉnh nhà, du lịch là đầu tàu phát triển kinh tế Thừa Thiên Huế.

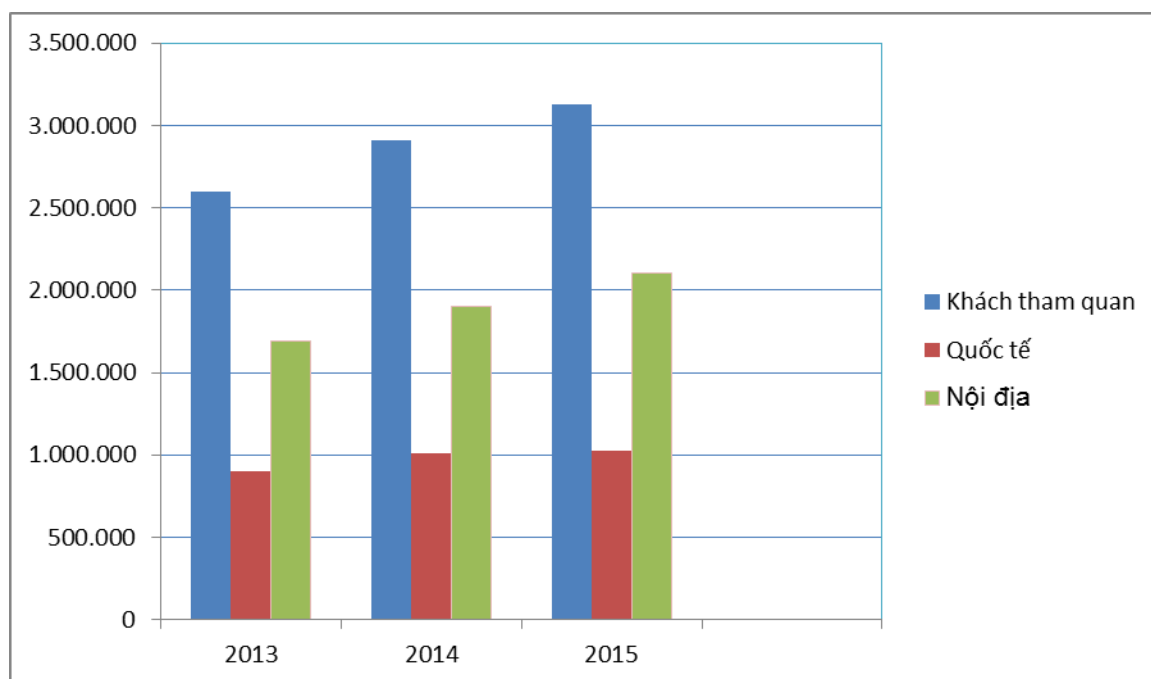
### 2.1.3.2. Tình hình khách du lịch tham quan tại Thừa Thiên Huế giai đoạn 2013-2015

**Bảng 2.2. Tình hình du khách tham quan tại Thừa Thiên Huế 2013-2015**

*Đơn vị: lượt khách*

Chỉ tiêu	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015		So sánh			
	Lượt khách	Tỷ lệ (%)	Lượt khách	Tỷ lệ (%)	Lượt khách	Tỷ lệ (%)	2014/2013		2015/2014	
							+/-	%	+/-	%
Khách tham quan	2.599.837	100	2.906.755	100	3.126.495	100	306.918	11,81	219.740	7,56
Khách quốc tế	905.000	34,81	1.007.290	34,65	1.023.015	32,72	102.290	11,30	15.725	1,56
Khách nội địa	1.694.837	65,19	1.899.465	65,35	2.103.480	67,28	204.628	12,07	204.015	10,74

*(Nguồn: Sở Văn hóa – Thể thao – Du lịch Thừa Thiên Huế)*



*(Tổng hợp từ số liệu về Tình hình du khách tham quan tại Thừa Thiên Huế 2013-2015)*

**Biểu đồ 2.2. Tình hình du khách tham quan tại Thừa Thiên Huế giai đoạn 2013-2015**

Nhìn chung, lượng khách tham quan quốc tế và nội địa đến Huế đều tăng theo từng năm nhưng đa số vẫn là khách nội địa chiếm tỷ trọng lớn. Hoạt động thường niên hai năm một lần Festival Huế vào các năm chẵn, Festival làng nghề truyền thống vào các năm lẻ cũng thu hút được lượng lớn du khách đến Huế tham quan.

Năm 2013, lượng khách tham quan tại Thừa Thiên Huế là 2.599.837 lượt, trong đó có 905.000 lượt khách quốc tế, chiếm 34,81% tổng lượt khách và 1.694.837 lượt khách nội địa, chiếm 65,19% tổng lượt khách. Năm 2014, lượng khách du lịch là 2.906.755 lượt, tăng 306.918 lượt tương ứng 11,81% so với năm 2013, trong đó khách quốc tế là 1.007.290 lượt, chiếm 34,65% tổng lượt khách, tăng 102.290 lượt tương ứng 11,30% so với năm 2013 và khách nội địa là 1.899.465 lượt, chiếm 65,35% tổng lượt khách, tăng 204.628 lượt tương ứng 12,07% so với năm 2013. Năm 2015, lượt khách du lịch là 3.126.495 lượt, tăng 219.740 lượt tương ứng 7,56% so với năm 2014, trong đó khách quốc tế là 1.023.015 lượt, chiếm 32,72% tổng lượt khách, tăng 15.725 lượt tương ứng 1,56% so với năm 2014 và khách nội địa là 2.103.480 lượt, chiếm 67,28% tổng lượt khách, tăng 204.015 lượt tương ứng 10,74% so với năm 2014.

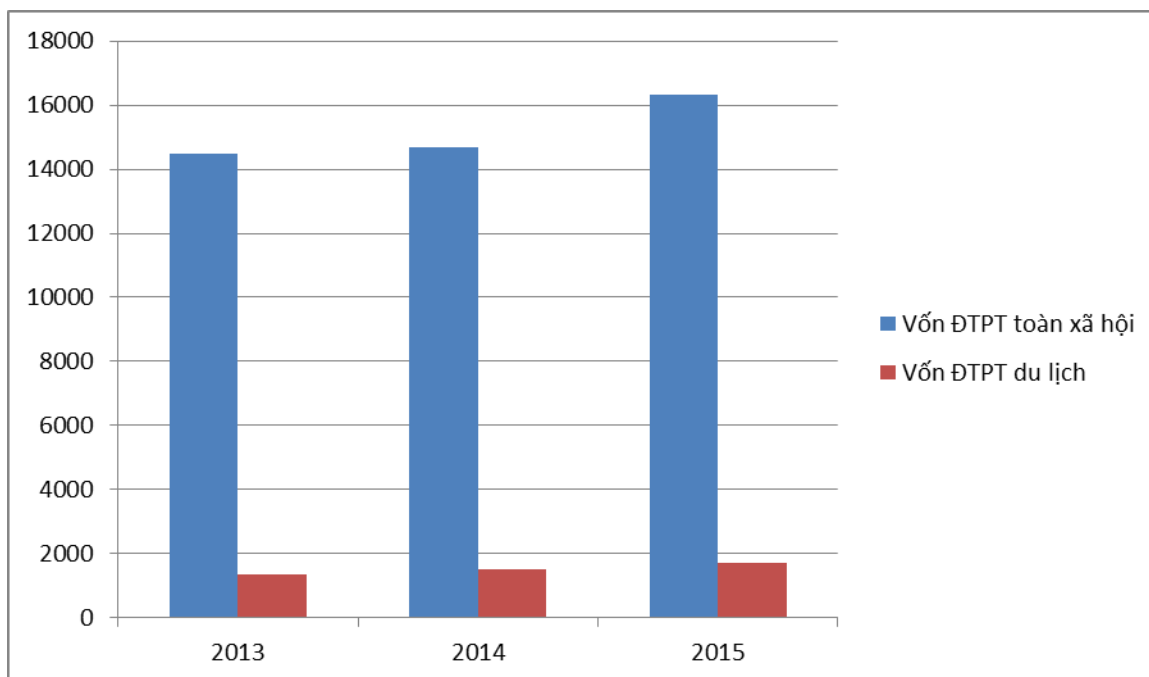
### 2.1.3.3. Vốn đầu tư phát triển vào du lịch tỉnh Thừa Thiên Huế 2013 – 2014

**Bảng 2.3. Vốn đầu tư phát triển vào du lịch tỉnh Thừa Thiên Huế 2013 – 2014**

*Đơn vị: tỷ đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	So sánh			
				2014/2013		2015/2014	
				+/-	%	+/-	%
Vốn đầu tư phát triển du lịch	1.337	1.494,80	1.719	157,80	11,80	224,20	15,00
Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội	14.500	14.700	16.320	200	1,38	1.620	11,02
Tỷ trọng VĐT cho du lịch/ toàn xã hội	9,22	10,17	10,53	0,95		0,36	

*(Nguồn: Sở Văn hóa – Thể thao và Du lịch)*



(Tổng hợp từ số liệu về vốn đầu tư phát triển du lịch Thừa Thiên Huế 2013 – 2015)

### **Biểu đồ 2.3. Vốn đầu tư phát triển du lịch Thừa Thiên Huế 2013 – 2015**

Vốn đầu tư phát triển du lịch của tỉnh Thừa Thiên Huế tăng đều qua các năm, cho thấy tỉnh đang chú trọng phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Cụ thể vốn đầu tư cho phát triển du lịch năm 2013 là 1337 tỷ đồng, chiếm 9,22% vốn đầu tư phát triển toàn xã hội. Năm 2014, vốn đầu tư cho du lịch là 1494,80 tỷ đồng, tăng 157,80 tỷ tương ứng 11,80% so với năm 2013, chiếm 10,17% vốn đầu tư toàn xã hội. Năm 2015, vốn đầu tư cho du lịch là 1719 tỷ đồng, tăng 224,20 tỷ tương ứng 15% so với năm 2014, chiếm 10,53% vốn đầu tư toàn xã hội.

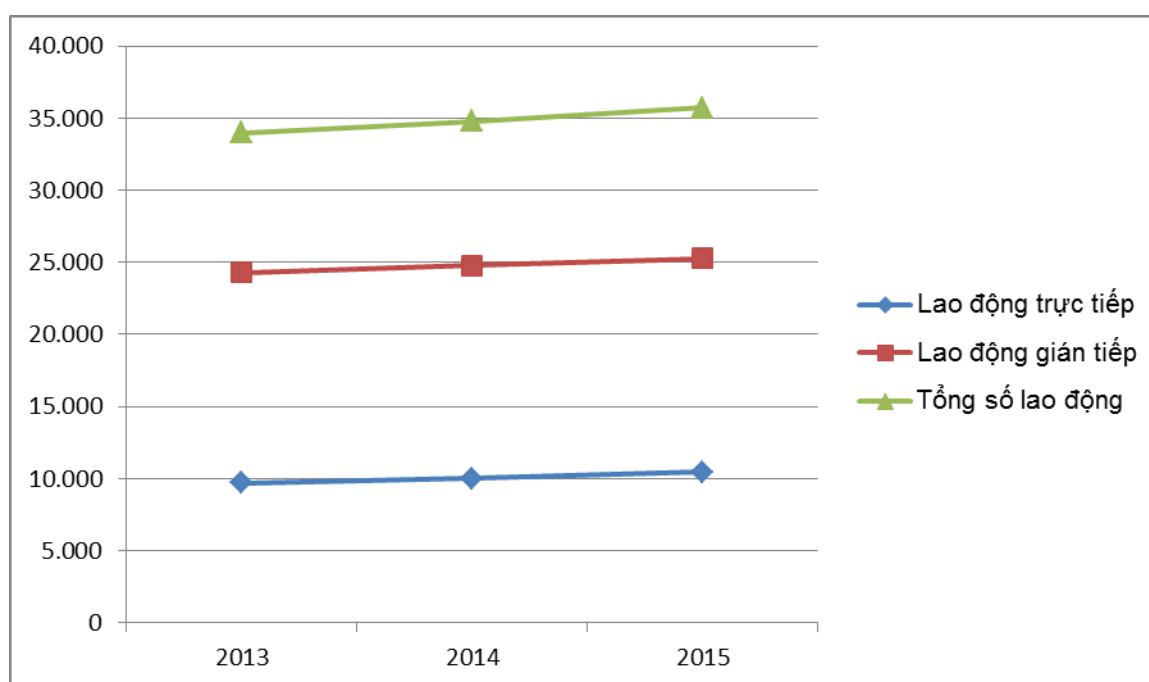
#### 2.1.3.4. Tình hình nhân lực của ngành du lịch Thừa Thiên Huế giai đoạn 2013-2015

**Bảng 2.4. Tình hình nhân lực của ngành du lịch Thừa Thiên Huế 2013-2015**

Đơn vị: người

Chỉ tiêu	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015		So sánh			
	Số LĐ	Tỷ lệ (%)	Số LĐ	Tỷ lệ (%)	Số LĐ	Tỷ lệ (%)	2014/2013		2015/2014	
							+/-	%	+/-	%
LĐ trực tiếp	9.710	28,57	10.000	28,76	10.450	29,27	290	2,99	450	4,50
LĐ gián tiếp	24.275	71,43	24.775	71,24	25.250	70,73	500	2,06	475	1,92
Tổng số LĐ	33.985	100,00	34.775	100,00	35.700	100,00	790	2,32	925	2,66

(Nguồn: Sở Văn hóa – Thể thao và Du lịch Thừa Thiên Huế)



(Tổng hợp từ số liệu về Tình hình nhân lực của ngành du lịch Thừa Thiên Huế)

**Biểu đồ 2.4. Tình hình nhân lực của ngành du lịch Thừa Thiên Huế 2013-2015**

Trong vài năm gần đây nguồn nhân lực dành cho du lịch có xu hướng tăng lên, lao động trực tiếp chiếm phần ít, đa số vẫn là nguồn nhân lực gián tiếp chưa đủ đáp ứng nhu cầu, chưa tương xứng để du lịch thực sự là ngành kinh tế mũi nhọn. Năm 2013, lao động cho du lịch Thừa Thiên Huế là 33.985 người, trong đó lao động trực tiếp là 9.710 người, chiếm 28,57% tổng số lao động và có 24.275 lao động gián tiếp

chiếm 71,43% tổng số lao động. Năm 2014, Thừa Thiên Huế có 34.775 lao động trong ngành du lịch, tăng 790 người tương ứng 2,32% so với năm 2013, trong đó có 10.000 lao động trực tiếp chiếm 28,76% tổng số lao động, tăng 290 người tương ứng 2,99% so với năm 2013 và 24.775 lao động gián tiếp, chiếm 71,24% tổng số lao động, tăng 500 người tương ứng 2,06% so với năm 2013. Năm 2015, tổng số lao động trong ngành du lịch là 35.700 người tăng 925 người tương ứng 2,66% so với năm 2014, trong đó có 10.450 lao động trực tiếp chiếm 29,27% tổng số lao động, tăng 450 người tương ứng 4,50% so với năm 2014 và 25.250 lao động gián tiếp chiếm 70,73% tổng số lao động, tăng 475 người tương ứng 1,92% so với năm 2014.

## **2.2. Một số nét về tình hình cơ bản của xã Phong Hòa, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế**

### *2.2.1. Tài nguyên tự nhiên của xã Phong Hòa*

#### 2.2.1.1. Vị trí địa lý

Phong Hòa là xã đồng bằng thấp trũng nằm về phía Đông Bắc huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, trải dài theo quốc lộ 49B và dọc bờ sông Ô Lâu. Có tổng diện tích tự nhiên 3489,24 ha chiếm 3,68% diện tích toàn huyện. Ranh giới hành chính của Xã được xác định như sau:

- Phía Bắc giáp huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị;
- Phía Nam giáp xã Phong Hiền, huyện Phong Điền;
- Phía Tây giáp xã Phong Thu, huyện Phong Điền;
- Phía Đông giáp xã Phong Bình, Phong Chương, huyện Phong Điền.

#### 2.2.1.2. Địa hình

Địa hình xã Phong Hòa tương đối bằng phẳng, với độ cao bình quân 7,8 m so với mặt nước biển. Là xã đồng bằng của huyện Phong Điền được phù sa của sông Ô Lâu bồi đắp hàng năm. Trở ngại lớn nhất của địa phương là hệ thống sông ngòi, ao hồ dày đặc làm cho đất đai bị chia cắt mạnh tạo nên những ốc đảo tại vùng trung tâm của xã.

#### 2.2.1.3. Khí hậu



Xã Phong Hòa nằm trong vùng duyên hải miền Trung nên chịu ảnh hưởng sâu sắc của khí hậu nhiệt đới gió mùa. Do chịu tác động của khí hậu chuyển tiếp Bắc Nam nên khí hậu nơi đây tương đối khắc nghiệt. Khí hậu trong năm phân theo hai mùa rõ rệt, mùa khô bắt đầu từ tháng 3 đến tháng 8, mùa mưa từ tháng 9 đến tháng 2 năm sau.

- Nhiệt độ: nhiệt độ trung bình hằng năm từ 24°C-25°C. Mùa khô chịu ảnh hưởng của gió Tây Nam nên khô nóng, nhiệt độ trung bình từ 29°C-30°C, có khi lên đến 39°C-40°C. Về mùa lạnh do ảnh hưởng của gió mùa đông bắc nên mưa nhiều, nhiệt độ trung bình từ 18°C-20°C. Nhiệt độ cao nhất thường tập trung vào tháng 6, thấp nhất là vào tháng 10-11 hằng năm.

- Chế độ mưa: Lượng mưa trung bình hằng năm trên địa bàn khoảng 2400mm/năm. Mưa lớn thường tập trung vào các tháng 10, 11 với khoảng 280 - 300mm. Trong khi đó thời gian từ tháng 3 đến tháng 5 lượng mưa không đáng kể.

- Độ ẩm không khí: Độ ẩm tương đối trung bình hằng năm khoảng 84%/năm. Độ ẩm trong năm cũng có sự khác biệt khá rõ nét. Vào tháng mùa mưa độ ẩm cao, có thể lên đến 90%, vào các tháng khô nóng độ ẩm chỉ đạt ở mức 45-50%.

#### 2.2.1.4. Thủy văn

Trên địa bàn có sông Ô Lâu, hói và một mạng lưới hồ, trằm... Vào mùa mưa mực nước lên cao, lưu lượng trung bình khoảng 3000m<sup>3</sup>/s. Mùa khô, lòng sông khô cạn lưu lượng nước thấp xuống 3m<sup>3</sup>/s – 4m<sup>3</sup>/s.

#### 2.2.1.5. Đất đai

Đất đai trên địa bàn xã Phong Hòa gồm có 2 loại chính: đất phù sa phân bố dọc theo sông Ô Lâu và đất cát nội đồng phân bố ở phía đông nam của xã.

Đất cát nội đồng (1103,10 ha): là loại đất có thành phần cơ giới nhẹ, kết cấu rời rạc thích hợp cho việc bố trí các loại cây hoa màu, cây công nghiệp ngắn ngày, cây lâm nghiệp, được phân bố về phía Đông Nam của xã.

Đất phù sa (689,15 ha): là loại đất chiếm diện tích khá lớn trên địa bàn xã Phong Hòa. Thành phần cơ giới chủ yếu là thịt nhẹ đến trung bình thích hợp cho việc trồng lúa và một số cây trồng hằng năm khác, phân bố dọc theo lưu vực sông Ô Lâu.

#### 2.2.1.6. Tài nguyên nước

Tài nguyên nước của xã Phong Hòa khá phong phú và đa dạng, được cung cấp từ hai nguồn chính là nước mặt và nước ngầm.

Nước mặt bao gồm sông Ô Lâu( với lưu lượng vào mùa khô là  $4\text{m}^3/\text{s}$ , mùa mưa lên đến  $3000\text{m}^3/\text{s}$ ), hồ Mỹ Xuyên, trằm Thiềm, trằm thôn Niêm và một số ao hồ khác cung cấp lượng nước khá lớn đáp ứng đủ cho nhu cầu sản xuất và sinh hoạt trên địa bàn.

Tiềm năng về nước ngầm cũng rất lớn, tuy nhiên chất lượng nước chưa bảo đảm, cần phải có biện pháp xử lý trước khi đưa vào sử dụng, đặc biệt cho nhu cầu sinh hoạt.

#### 2.2.1.7. Tài nguyên khoáng sản

Trên địa bàn có vùng đất cát là loại đất làm nguyên liệu cho sản xuất thủy tinh, nguyên vật liệu xây dựng. Ngoài ra còn có mỏ than bùn phân bố ở thôn Đức Phú đang được khai thác để sản xuất phân vi sinh. Đây là điều kiện để phát triển công nghiệp, giải quyết công ăn việc làm tại địa phương.

### 2.2.2. Tài nguyên nhân văn của xã Phong Hòa

Phong Hòa là một xã có tiềm năng về du lịch cộng đồng với nguồn tài nguyên nhân văn phong phú, ngoài làng cổ Phước Tích ra thì phải kể đến là làng nghề Mỹ Xuyên và chùa Ưu Đàm.

#### 2.2.2.1. Làng nghề Mỹ Xuyên

Trong các nghề thủ công tiêu biểu ở tỉnh Thừa Thiên - Huế, phải kể đến nghề chạm khắc gỗ của làng Mỹ Xuyên, xã Phong Hòa, huyện Phong Điền, cách trung tâm thành phố Huế khoảng 40km về phía bắc. Nằm bên dòng Ô Lâu, làng Mỹ Xuyên tồn tại hàng trăm năm, nổi tiếng với nghề truyền thống về mộc và chạm khắc mỹ nghệ.

❖ Nguồn gốc hình thành: Làng Mỹ Xuyên được hình thành khá sớm so với xứ Đàng Trong (vào khoảng giữa thế kỷ 15). Ở đây có nghề chạm khắc gỗ khá nổi tiếng. Theo một số tư liệu sử học và gia phả họ Nguyễn Văn ở làng Mỹ Xuyên có ghi, nghề chạm khắc trên gỗ bắt đầu xuất hiện ở làng Mỹ Xuyên khoảng vào thế kỷ 19. Người

khai sinh ra nghề này cho làng là ông Nguyễn Văn Thọ, con rể của làng. Ông Thọ (truyền nhân xuất sắc của ông Trần Văn Cao nổi tiếng về nghề mộc, chạm khắc phục vụ triều đình), người gốc xứ Thanh, vốn trước đây là nghệ nhân nổi tiếng của triều đình nhà Nguyễn. Sau đó ông đã kết duyên với bà Lê Thị Núc, người làng Mỹ Xuyên và sinh sống ở quê vợ để truyền nghề lại cho con cháu và người dân trong làng. Từ đó về sau, nghề chạm khắc gỗ với đội ngũ thợ điêu khắc tài hoa ngày càng phát triển ở Mỹ Xuyên.

❖ Di sản văn hóa: Nói đến làng mộc Mỹ Xuyên, phải nhắc đến nhà thờ họ Lê Văn. Đây là dòng họ lớn và đóng vai trò quan trọng trong quá trình lập làng Mỹ Xuyên. Cùng với sự ra đời của hàng loạt kiến trúc đình chùa, miếu mạo ở thế kỷ 19 trên đất Thuận Hóa, nhà thờ họ Lê Văn được xây dựng vào năm 1881 - đời Tự Đức thứ 34. Nhà thờ họ Lê Văn nằm ở vị trí trung tâm của làng, mặt quay về hướng nam, trên một gò đất cao, bằng phẳng. Kết cấu xây dựng gồm 3 gian, 2 chái, diện tích 160 m<sup>2</sup> với 4 bộ vì kéo được gắn kết trên 48 cột lớn chia làm 3 hàng. Tất cả hệ thống cột, kèo, đòn tay đều bằng gỗ, được các nghệ nhân là những con dân trong dòng họ chạm khắc một cách công phu. Tuy đã trải qua 2 lần trùng tu vào các năm 1928 và 1961 nhưng điều đáng quý là cho đến nay những giá trị về mặt kiến trúc ban đầu vẫn gần như được giữ nguyên. Có thể nói nhà thờ họ Lê Văn là nơi hội tụ và bảo lưu những tinh hoa truyền thống về nghề chạm khắc của làng Mỹ Xuyên vào cuối thế kỷ 19. Mái của nhà thờ họ Lê Văn hơi ngang, tạo thành một hình khối nhẹ nhàng, phía trước và hai bên lợp ngói liệt, dùng kiểu đắp bờ nóc phụ ở lưng chừng mái. Ở mái trước được trang trí “lưỡng long châu nguyệt” cách điệu bằng vật liệu xi măng sành sứ. Với chức năng là nơi để tưởng niệm và thờ cúng tổ tiên của một dòng họ, công trình kiến trúc này mang phong cách nhà rường dân gian xứ Huế. Toàn bộ kết cấu bên trong của ngôi nhà là một khung gỗ mộng mọo một cách sít sao. Các cột cái, cột quân, cột hiên trong cùng một vì kèo được nối với nhau từng đôi một. Tất cả các vì kèo trong ngôi nhà được nối với nhau tạo thành mối liên kết ngang, gồm thượng lương, xà và hoành tử. Nhìn một cách tổng thể, các đề tài chạm khắc, trang trí trong nội thất của nhà thờ họ Lê Văn có phần hơi khiêm nhường và không đi vào các đề tài sinh hoạt về con người như ở một số di tích kiến trúc nghệ thuật khác. Với kiểu dáng, kỹ năng mỹ thuật, các đồ trang trí theo

lối nghệ thuật đặc trưng của thời nhà Nguyễn, nhà thờ họ Lê Văn đã phản ánh được tính chất của một dòng họ ở một làng quê có bề dày truyền thống văn hóa cũng như truyền thống ngành nghề. Nhà thờ họ Lê vẫn còn là nơi lưu giữ nhiều cổ vật, hiện vật quý giá mà đặc biệt là văn bản chữ Nôm thời Lê Sơ – triều vua Lê Nhân Tông thứ 9 năm 1451. Các tác phẩm điêu khắc được chạm khắc trên gỗ, trang trí bên trong nội thất của ngôi nhà đã phản ánh được sự phát triển của ngành nghề thủ công truyền thống của vùng đất này. Đây cũng là một di sản dân gian quý báu cùng với hệ thống làng cổ Phước Tích, làng đẽm bàng Phò Trạch đã tạo nên một hệ thống di sản bên dòng Ô Lâu.

❖ Đặc trưng sản phẩm: Điêu khắc gỗ ở Mỹ Xuyên mang nét đặc trưng trong kiến trúc Huế; thể hiện giá trị mỹ thuật với kỹ xảo nghề nghiệp, trình độ chạm khắc và sự phối hợp thuần thục với cảm quan thẩm mỹ được thông qua đôi tay người thợ bằng những chiếc đục tạo nên trên chất liệu bằng gỗ. Nghề chạm khắc gỗ ở Mỹ Xuyên chiếm vị trí và có giá trị khá cao về trang trí nên có nhiều dạng khác nhau như chạm lõng, chạm chìm, chạm nổi, chạm xếp lớp, chạm lồng, chạm chắm phá, chạm cạn, chạm sâu, nét trầm phù, chạm khảm. Nó đã điểm tô, tạo nét thẩm mỹ, thượng lưu hóa, trang trọng hóa sản phẩm của nghề chạm khắc. Ở đây không chỉ phổ biến dạng điêu khắc tượng tròn mà còn chạm khắc gỗ dưới dạng phù điêu rất phong phú thể hiện trong các công trình kiến trúc nổi tiếng trong các điện của kinh thành Huế, trên các tường, vách đồ bảng, kèo, đòn tay của ngôi nhà rường và trên những đồ dùng sinh hoạt như bàn, ghế, tủ, giường... theo phong cách thể hiện tính độc đáo, đặc thù của văn hóa Huế. Nhiều sản phẩm của Mỹ Xuyên đã giành huy chương vàng, bạc tại các triển lãm trong tỉnh và toàn quốc. Để gìn giữ và phát huy nghề truyền thống, UBND huyện Phong Điền đã quyết định thành lập cụm làng nghề Mỹ Xuyên và đã thu hút được đông đảo doanh nghiệp ra đời nhằm khôi phục và phát triển nghề truyền thống này. Nhờ vậy, sản phẩm làng nghề mộc, mỹ nghệ Mỹ Xuyên đã được tiêu thụ rộng khắp ở các tỉnh, thành trong và ngoài nước.

#### 2.2.2.2. Chùa Ưu Đàm

❖ Lịch sử

Chùa Ưu Đàm còn có tên là Ưu Đàm. Chùa tọa lạc tại làng Ưu Đàm, xã Phong Hoà, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên - Huế. Chùa cách trung tâm thành phố Huế khoảng 40km về hướng Bắc. Tên chùa Ưu Đàm xuất phát từ tên loài hoa Ưu Đàm Bát La. Đây là một loài hoa quý hiếm, tương truyền 3000 năm mới xuất hiện một lần. Hoa xuất hiện thì kim luân vương xuất hiện, Phật xuất thế. Ngoài tên chữ của chùa là Ưu Đàm, chùa còn có tên dân gian là chùa Bà Lôi, hay chùa Lôi. Giải thích về những tên dân gian này, các truyền thuyết dân làng kể lại đều có nguồn gốc từ một sự tích của pho tượng Bà Lôi, tức tượng nữ thần XiKa: xuất phát từ câu chuyện tượng Bà Lôi nên chùa còn được dân gian gọi là chùa Bà Lôi, hàng năm vào mùa lũ lụt, con dân trong làng đều tập trung lên chùa để tránh lụt, họ phát hiện chùa chưa hề bị nước ngập và hình như nước càng lên thì chùa cũng nổi theo, nên từ đó chùa còn được gọi là chùa Lôi...

Chùa quay mặt về hướng chính Nam, trước mặt là cánh đồng lúa, sau lưng là sông Ô Lâu. Chùa có từ lâu đời. Theo dân làng kể lại thì vào khoảng thế kỷ thứ 16, khi chúa Nguyễn vào Nam lập nghiệp, để bình định và vỗ an dân chúng, hầu hết các làng xã đồng loạt xây chùa dựng tượng để con dân sinh hoạt tín ngưỡng, ổn định tinh thần mà chăm lo làm ăn, chùa Ưu Đàm cũng ra đời trong thời điểm đó.

Nhưng theo sách Ô Châu Cận Lục của Dương Văn An hiệu đính năm 1555, trong chương Phong tục có nhắc đến chùa Ưu Đàm một câu là: Am Ưu Đàm nở nhiều hoa Bát La. Điều này có thể chứng minh cho việc chắc chắn chùa đã phải có trước thời các chúa Nguyễn vào Nam lập nghiệp.

#### ❖ Kiến trúc – Di vật:

Trải qua thời gian chiến tranh, chùa được tu sửa nhiều lần. Theo sách Đại Nam Nhất Thống Chí mục chùa quán thì đến năm Minh Mạng thứ 2, Tân Ty (1821) chùa được nhà vua ban chiếu, cấp bổng lộc để trùng tu. Năm 1954, chùa lại bị bom đạn làm hư hại và xuống cấp, dân làng đã góp công góp của xây dựng lại bằng bê tông cốt thép theo mô hình kiến trúc kiểu chữ Công gồm tiền đường, chánh điện và hậu liêu.

Trong những năm trở lại đây, mặc dầu chùa không đại trùng tu, nhưng chùa cũng đã chỉnh trang, sửa chữa cũng như đã làm mới rất nhiều hạng mục. Những công trình có giá trị như Tiên đường, chánh điện, công tam quan, Quan Âm các, Đoàn quán Gia đình Phật tử, nhà ở... tất cả đã trở thành một hệ thống kiến trúc kiên cố và khang trang hơn rất nhiều.

Hiện tại chùa vẫn bảo lưu được một số cổ vật, pháp bảo cũng như những di chỉ xưa quý rất có giá trị văn hoá và khảo cổ như bộ tượng Bồ tát Di Lạc và Quán Âm được nắn bằng đất sét nhồi trấu, nòng tre sơn thếp vàng rất đẹp. Đáng chú ý hơn hết là di chỉ Chăm Pa gồm một tượng nữ thần XiKa, bức phù điêu vũ nữ cũng như trụ đá Linga... đã gây được sự chú ý và quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu. Để bảo quản tốt những di vật này, năm 1995 Ban Hộ tự của chùa đã cho quy tụ và xây dựng tôn trí tượng và các phù điêu, cổ vật trên một vị trí khu đất 50 m<sup>2</sup> sát bên cạnh chùa, dân làng gọi đó là Am Bà Phật Lỗi. Hằng năm, có các đoàn khảo cổ từ cấp trung ương đến cấp tỉnh cũng như các giáo sư tiên sĩ nước ngoài đến tìm hiểu khảo sát.

Tất cả những cổ vật, pháp bảo xưa quý trên của chùa hiện vẫn còn rất nguyên vẹn và được bảo quản tốt. Đáng tiếc, tượng nữ thần XiKa đã bị biến dạng qua nhiều "biến cố". Nguyên tượng được tạc bằng sa thạch, do ý thức bảo quản chưa tốt nên người ta đã cho sơn son thếp vàng. Vì vậy từ những năm 1975 đến 1980 những "đạo tặc" thiếu kiến thức tưởng là bằng vàng thật nên đã đến cưa tay, cưa đầu. May thay, tượng bằng đá nên đám ăn cắp đã bỏ lại, dân làng thỉnh về hàn lại. Mặc dầu vậy, giá trị nguyên bản của pho tượng cũng đã phần nào biến dạng.

Chùa Ưu Đàm ngày nay là một trong những ngôi chùa được xếp vào hạng di tích lịch sử cấp tỉnh, đồng thời trên bảng đồ du lịch của sở du lịch tỉnh Thừa Thiên - Huế đã có bảng chỉ đường cho khách tham quan tìm đến tham quan và tìm hiểu lịch sử ngôi chùa là nơi chốn linh thiêng nhất của là Ưu Đàm (Đàm).

### *2.2.3. Khái quát tình hình kinh tế - xã hội của xã*

#### *2.2.3.1. Đặc điểm dân cư và nguồn nhân lực*

Năm 2015, toàn xã có 2256 hộ với 9973 nhân khẩu, trong đó có 5049 nam và 4924 nữ.

Lao động trong độ tuổi: 3852 người

Cơ cấu lao động trong các lĩnh vực:

- Lao động trong nông, lâm, ngư nghiệp: chiếm 55%
- Lao động trong công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp: chiếm 20%
- Lao động trong dịch vụ, ngành nghề khác: chiếm 35%

Dân cư trên địa bàn xã Phong Hòa phân bố ở 12 thôn, với 9973 khẩu và 2256 hộ, các khu dân cư đã được hình thành lâu đời và phân bố khá hợp lý.

Nhìn chung, dân số và nguồn nhân lực trên địa bàn xã khá dồi dào, có khả năng nắm bắt nhanh khoa học công nghệ tiến tiến, hiện đại, tiếp cận nhanh với kinh tế thị trường, trình độ dân trí và trình độ lao động không ngừng được nâng cao, lao động phi nông nghiệp phát triển mạnh, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế ở địa phương theo hướng xây dựng nông thôn mới và quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên địa bàn xã.

#### 2.2.3.2. Hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật

Giao thông: Hệ thống giao thông của xã ngày càng được mở rộng và không ngừng được hoàn thiện về chất lượng. Đến năm 2015 trên địa bàn xã có 91.246m đường giao thông, mật độ 1,94km/km<sup>2</sup>. Trong đó có 60.100m đường giao thông được kiên cố hóa, đạt tỷ lệ 65,86%.

Chiều dài đường giao thông mặc dù lớn xong chất lượng đường còn thấp. Hiện chỉ có các đường như quốc lộ 49B, tỉnh lộ 6 và 9 được nhựa hóa. Tuy nhiên các con đường này lại phân bố chủ yếu theo ranh giới của xã với các xã khác. Trong khi đó, giao thông trong nội bộ, đặc biệt là giao thông nội đồng là đường cấp phối, thậm chí là đường đất nên gặp rất nhiều khó khăn trong việc đi lại trong mùa mưa.

Các công trình cầu cống trên địa bàn xã đã xuống cấp nghiêm trọng không còn đáp ứng nhu cầu trong giai đoạn tới.

Thủy lợi: Với hệ thống hồ, tràm dày đặc, đặc biệt là lợi thế gần sông Ô Lâu nên vấn đề nước tưới luôn đáp ứng tốt cho hoạt động sản xuất trên địa bàn. Hiện nay trên địa bàn xã có 4 trạm bơm, 67km kênh mương trong đó có 10,2km được kiên cố hóa, đạt tỷ lệ 15,22%.

Điện nước: Lưới điện đã đưa đến tận các thôn tạo điều kiện thuận lợi cho việc phục vụ các nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của người dân địa phương. Đến nay có 100% hộ sử dụng điện. Nước máy đã được dẫn đến trên địa bàn xã đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của người dân.

#### 2.2.3.3. Tăng trưởng kinh tế và cơ cấu kinh tế

Tăng trưởng kinh tế: những năm qua, kinh tế xã Phong Hòa có tốc độ tăng trưởng khá, bình quân tăng 13%/năm. Thu nhập bình quân đầu người đạt 24 triệu đồng/người/năm. Tổng mức đầu tư toàn xã hội ngày càng được nâng cao, đặc biệt là trong đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng.

Cơ cấu kinh tế: cơ cấu kinh tế có bước chuyển biến tích cực, giảm tỷ trọng ngành sản xuất nông nghiệp, tăng tỷ trọng ngành nghề và dịch vụ. Tuy nhiên, nông nghiệp vẫn giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế của xã. Tỷ trọng các ngành kinh tế năm 2015 như sau:

Nông nghiệp 50%

Tiểu thủ công nghiệp và xây dựng: 20%

Dịch vụ: 30%

#### 2.2.4. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của xã Phong Hòa để phát triển du lịch cộng đồng

##### ❖ Những thuận lợi

- Nguồn tài nguyên du lịch tự nhiên và nhân văn phong phú.
- Người dân rất thân thiện, hiếu khách, cần cù.



- Nhận thức của người dân, chính quyền địa phương về phát triển bền vững được nâng lên sau các đợt tuyên truyền, tập huấn, thực hiện các dự án liên quan đến bảo tồn, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.

- Đã ban hành các quyết định, văn bản pháp quy, đề án phát triển du lịch và bảo tồn, phát huy các giá trị văn hoá bản địa.

- Có các chính sách hỗ trợ về kinh tế, vốn, kỹ thuật; nhiều giải pháp lồng ghép để phát triển du lịch cộng đồng.

- Các ngành nghề truyền thống như nghề gốm, điêu khắc,... được phục hồi và duy trì hoạt động sản xuất, đồng thời được gắn liền với chính sách phát triển du lịch cộng đồng.

- Hệ thống giao thông đang được nâng cấp, tạo điều kiện để đưa du khách về tham quan dễ dàng hơn.

#### ❖ Những khó khăn

- Thiếu cơ chế hợp tác, phối kết hợp giữa các bên tham gia trong quá trình xây dựng và phát triển du lịch cộng đồng.

- Người dân chưa nhận thức đầy đủ, thống nhất về du lịch sinh thái cộng đồng.

- Thiếu các dự án cụ thể trong việc hỗ trợ phát triển loại hình du lịch sinh thái cộng đồng.

- Thiếu vốn đầu tư.

- Hạn chế về năng lực quản lý điều hành.

- Hoạt động marketing yếu.

- Chưa xây dựng được mô hình phát triển du lịch cộng đồng rõ ràng.

- Hoạt động du lịch cộng đồng ở đây chưa được biết đến nhiều, các loại hình dịch vụ chưa phong phú, đa dạng.

- Tỷ lệ lao động trên địa bàn là rất thấp so với tổng dân số, cơ cấu lao động không đồng đều, lao động cho du lịch còn thấp.

- Thực trạng cơ sở hạ tầng của xã hiện nay tuy có phát triển hơn trước nhưng chưa đầy đủ, đồng bộ, chưa đáp ứng đủ nhu cầu phát triển.

## **2.3. Giới thiệu về làng cổ Phước tích**

### *2.3.1. Tiềm năng và triển vọng*

Từ Huế đi theo đường quốc lộ I ra phía Bắc khoảng 40km, đến gần cầu Mỹ Chánh (huyện Hải Lăng, Quảng Trị), rẽ phải theo quốc lộ 49 đi khoảng 1km qua cây cầu bắc ngang sông Ô Lâu là đến Phước Tích. Phước Tích thuộc xã Phong Hòa, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, là một làng nghề sản xuất gốm nổi tiếng, hình thành từ thế kỷ XV. Từ khi thành lập (1470) làng mang tên Đông Quyết, sau đó đổi tên là Phước Giang, thời Tây Sơn đổi thành Hoàng Giang, đến đời Gia Long, đổi tên thành Phước Tích cho đến ngày nay.

Phước Tích đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xếp hạng là di tích kiến trúc nghệ thuật cấp Quốc gia theo quyết định số 832/QĐ-BVHTTDL ngày 3 tháng 3 năm 2009. Với quần thể di tích kiến trúc nhà rường cổ, di tích văn hóa Champa, văn hóa Việt cổ, nghề gốm truyền thống trên 500 năm... Phước Tích được mệnh danh là làng di sản của vùng Trung bộ Việt Nam. Bên cạnh Phước Tích là làng nghề điêu khắc gỗ Mỹ Xuyên. Chính những thế hệ thợ điêu khắc gỗ Mỹ Xuyên là những người đã góp phần tạo nên quần thể nhà rường ở Phước Tích.

Phước Tích có tài nguyên du lịch phong phú bao gồm cả tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn.

Đối với tài nguyên du lịch tự nhiên, Phước Tích là nơi có vùng tiểu khí hậu trong lành và mát mẻ do được nguồn sông Ô Lâu bao bọc quanh làng, đồng thời ở phía bắc làng là nơi hợp lưu của nguồn sông Thu Lai (Quảng Trị) và nguồn sông Ô Lâu (Thừa Thiên Huế), xưa gọi là đại giang, nay gọi là Ô Lâu. Đây là con sông mà hạ lưu của nó hình thành nên đầu nguồn phía bắc của phá Tam Giang nối liền với biển. Từ Phước Tích có thể đi thuyền về phá Tam Giang để đến các vùng ven đầm phá của Thừa Thiên Huế. Từ Huế có thể đến Phước Tích bằng đường thủy. Tài nguyên sinh vật dồi dào, hệ sinh thái của làng phong phú, nhiều cây cổ thụ có hàng trăm năm tuổi, đặc biệt trong

đó có cây thị trên 700 năm. Nhiều cây ăn trái quý có tuổi đến vài trăm năm như cây vải trắng, nhãn và nhiều loại cây ở nơi khác khó tìm thấy như cây bồ quân, dâu, bồ kết,... các loại cây ăn trái như mít, vả, khế, cam, quýt, chuối và các loại cây hoa màu, thực phẩm khác. Hầu như nhà vườn nào ở Phước Tích cũng giữ được một số loài hoa quý như mai vàng, hoa mộc, nguyệt quế, hàm tiếu, hoa râm, ngâu, sói, hải đường, tường vi,... có nhiều cây có tuổi đời gần cả 100 năm. Đặc biệt hàng rào, bờ giậu của các nhà đều sử dụng loại cây chè tàu tạo nên một vành đai xanh nối liền nhau bao bọc quanh vườn cây ăn trái quanh làng. Trong vườn nhà Phước Tích còn có hệ thực vật với những loại cây ăn trái được lan truyền và phát triển theo yếu tố tự nhiên, sau đó người dân chăm sóc để thu hoạch hoa trái, hoặc sử dụng thân cây làm chất đốt. Ngoài các loại rau xanh được trồng trong vườn, còn có một số thực vật mọc tự nhiên mà người dân có thể bổ sung vào thực phẩm trong các bữa ăn hằng ngày.



**Hình 2.1. Ngôi nhà rường trên 200 tuổi ở làng cổ Phước Tích**

Đối với tài nguyên nhân văn, hơn 500 năm tồn tại và phát triển, Phước Tích vẫn giữ gìn được những giá trị di sản văn hóa quý giá của một làng quê nổi tiếng với nghề làm gốm. Đặc biệt là quần thể di tích nghệ thuật kiến trúc dân gian độc đáo với 36 ngôi nhà rường cổ còn khá nguyên vẹn, gồm 12 ngôi nhà thờ họ, phái, 24 nhà ở của dân. Tất cả những ngôi nhà rường này đều trên 100 năm tuổi bao gồm các loại nhà ba

gian hai chái hoặc một gian hai chái và đều được chạm khắc những họa tiết, hoa văn cực kỳ tinh xảo. Nhà nào cũng có vườn rộng nối liền nhau bởi những hàng rào bằng cây chè tàu bao quanh. Bên cạnh đó là hệ thống các di tích tín ngưỡng, tôn giáo như đình, chùa, miếu, nhà thờ của các họ tộc, các di tích của nền văn hóa Champa, những cây cổ thụ có tuổi thọ hàng trăm năm, những bến nước, sân đình, phế tích của những lò nung gốm, đường làng, ngõ xóm, những lối đi với lớp lớp những mảnh gốm sành ghi dấu thời vàng son của làng nghề sản xuất gốm... Tất cả như tạo nên cảnh quan đặc trưng của một làng quê Việt cổ kính. Phước Tích là nơi bảo tồn những giá trị văn hóa nhân văn đặc sắc của một làng nghề gốm truyền thống hình thành cách đây hơn 500 năm. Nhiều di tích lịch sử văn hóa, các lễ hội làng xã, họ tộc, tập tục tín ngưỡng dân gian gắn với phương thức sản xuất gốm bằng thủ công. Tất cả những yếu tố đó đã tạo nên giá trị chung cho làng cổ Phước Tích.



**Hình 2.2. Các sản phẩm gốm Phước Tích**



**Hình 2.3. Lò gốm Phước Tích**

Với tài nguyên du lịch sẵn có, cùng với không gian môi trường xanh, sạch, đẹp, Phước Tích sẽ là nơi tham quan, giải trí, nghỉ dưỡng lý tưởng đối với du khách.

Quần thể nhà rường cổ nếu được đầu tư, tăng cường thêm cơ sở vật chất thiết bị phục vụ du lịch thì sẽ nhanh chóng mở rộng được mô hình du lịch lưu trú tại nhà dân (homestay).

Phước Tích có hệ thống sông Ô Lâu bao quanh, du khách có thể đi thuyền trên sông ngắm cảnh. Trong làng có hồ nước rộng có thể cải tạo, xây dựng trở thành khu

vui chơi giải trí và tổ chức các dịch vụ du lịch như hệ thống nhà hàng, bơi thuyền, câu cá, múa rối nước...

### *2.3.2. Đặc điểm tình hình chung của làng cổ Phước Tích:*

Phước tích có diện tích tự nhiên khoảng 40ha, gồm 117 hộ, 320 nhân khẩu. Thực trạng cơ cấu gia đình và sự phát triển dân số tự nhiên ở Phước Tích hiện nay đang thiếu tính bền vững. Nguyên nhân chính là do một bộ phận thành viên của các hộ gia đình ở Phước Tích đã rời làng đi làm ăn, sinh sống ở nơi xa. Hiện nay, nhiều người đã có cuộc sống ổn định ở các tỉnh, thành phố, một số định cư ở nước ngoài. Vì vậy, dẫn đến tình trạng nhiều gia đình chỉ có người già trông coi nhà cửa vườn tược.

Trong làng có nghề gốm cổ truyền nhưng một thời gian dài phải tạm ngưng sản xuất do sản phẩm làm ra không tiêu thụ được trên thị trường. Vì vậy người dân khó có thể tự lực trong cuộc sống nếu không có sự hỗ trợ từ các thành viên gia đình đang sinh sống ở ngoài làng.

Hiện nay, du khách đến với Phước Tích còn ít, một phần do công tác quảng bá chưa có chiều sâu. Du khách chưa biết nhiều đến giá trị di sản văn hóa làng cổ.

Cơ sở hạ tầng về du lịch trong làng chưa được đầu tư. Sản phẩm du lịch còn đơn điệu, chủ yếu dựa vào tài nguyên du lịch sẵn có. Chưa khai thác tốt tiềm năng sản phẩm du lịch hiện có. Đặc biệt là du lịch dựa vào di sản văn hóa, du lịch làng nghề. Chưa tổ chức tốt các hoạt động phụ trợ để đáp ứng nhu cầu về ẩm thực, giải trí, nghỉ dưỡng của du khách.

Nguồn nhân lực phục vụ cho du lịch còn thiếu và yếu. Trong làng hiện không có đủ lực lượng trẻ để tham gia đào tạo nghề du lịch cũng như đào tạo nghề gốm truyền thống và các ngành nghề dịch vụ khác. Kỹ năng giao tiếp của người dân đối với du khách còn hạn chế, nhất là đối với khách nước ngoài. Chưa hình thành được mối quan hệ, hợp tác với các tổ chức doanh nghiệp hoạt động kinh doanh về du lịch để xây dựng các tour tuyến đưa khách về Phước Tích.

Thời gian gần đây, nhiều công ty lữ hành đã đến khảo sát và bắt đầu tổ chức đưa khách về tham quan làng cổ Phước Tích. Công ty Việt Pháp đã liên kết và đầu tư cơ sở

vật chất cho hai hộ gia đình để đón khách lưu trú. Song do lượng du khách chưa đến nhiều nên thu nhập của người dân còn hạn chế.

Cộng đồng dân cư có quyền và nghĩa vụ tham gia vào các hoạt động du lịch và hưởng lợi ích hợp pháp từ du lịch. Đây là nguyên tắc cơ bản trong định hướng phát triển du lịch bền vững đối với các địa phương. Song hiện nay, Vấn đề tham gia của cộng đồng người dân ở Phước Tích trong việc phát triển du lịch vẫn còn nhiều hạn chế. Người dân còn thụ động do chưa thấy rõ tiềm năng và giá trị kinh tế mang lại từ hoạt động du lịch. Sản phẩm du lịch từ di sản văn hóa chưa được phát huy tích cực. Người dân còn e ngại trong việc đưa các nhà rường cổ vào khai thác du lịch, đặc biệt là việc mở rộng mô hình lưu trú của người dân,

Việc đưa nhà rường vào khai thác du lịch vẫn còn nhiều bất cập, do chưa có sự đồng thuận cao của các gia đình.

## **2.4. Thực trạng đầu tư phát triển du lịch cộng đồng ở làng cổ Phước Tích, xã Phong Hòa, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế 2013-2015**

### *2.4.1. Các hoạt động đầu tư phát triển du lịch của chính quyền địa phương 2013-2015*

#### 2.4.1.1. Các dự án đã thực hiện

##### ❖ Khảo sát làng Phước Tích:

Từ tháng 7 đến tháng 8 năm 1998, Viện Nghiên cứu Kiến trúc Việt Nam, trường Đại học nữ Chiêu Hòa, trung tâm bảo tồn Di tích Huế, khoa kiến trúc trường Đại học Khoa học Huế đã thực hiện khảo sát sơ bộ 690 ngôi nhà cổ trong toàn tỉnh Thừa Thiên Huế, phân cấp và xếp hạng giá trị kiến trúc của các nhà cổ trong toàn tỉnh.

Từ tháng 8/1998 đến tháng 4/1999, đợt khảo sát lần thứ 2 diễn ra, khảo sát chi tiết 70 công trình kiến trúc cổ trong số 690 công trình nói trên, các nhà cổ đều được khảo sát, tái tạo bản vẽ thiết kế theo chuyên môn kiến trúc, trong đó có các nhà cổ tại làng cổ Phước Tích.

Năm 2003, với đánh giá về giá trị di sản văn hóa của làng Phước Tích của ông Hoàng Đạo Kính, kiến trúc sư Việt Nam, các cuộc khảo sát và hội thảo khoa học về

làng di sản Phước Tích do Chính phủ Việt Nam đã được thực hiện. Dựa vào kết quả này, tháng 8/2008, Sở Văn hóa – Thể Thao và Du lịch Thừa Thiên Huế đã lập hồ sơ di sản văn hóa quốc gia cho làng Phước Tích. Đến tháng 3/2009, Phước Tích được công nhận là Di sản Văn hóa cấp Quốc gia và là ngôi làng thứ hai sau làng cổ Đường Lâm. Tháng 6/2009, những quy định về việc bảo tồn làng Phước Tích được công bố, làm cơ sở cho quy chế bảo tồn, tạo nền tảng cho công cuộc bảo tồn nông thôn và phát triển du lịch.

❖ Dự án phát triển du lịch tại làng Phước Tích:

Dự án “Phát triển bền vững địa phương thông qua du lịch di sản” do Sở Văn hóa – Thể thao và Du lịch Thừa Thiên Huế, JICA và trường Đại học nữ Showa thực hiện kéo dài 3 năm từ tháng 4/2011-2014 đã hoạch định kế hoạch cho làng Phước Tích.

Với dự án này, Sở Văn hóa – Thể thao và Du lịch Thừa Thiên Huế mong muốn xây dựng nền tảng đáp ứng nhu cầu của du khách, biến Phước Tích trở thành một điểm du lịch hấp dẫn, với mục tiêu:

- Khôi phục nghề gốm truyền thống để thu hút nhân lực trẻ hồi hương.
- Thông qua du lịch đa dạng hóa ngành nghề (mở rộng hướng chọn ngành nghề từ nông nghiệp sang thủ công nghiệp – nghề gốm), tăng thu nhập cho người dân.

Dự án đã có các hoạt động thiết thực nhằm khôi phục nghề gốm, cải tạo, trùng tu cơ sở vật chất phục vụ phát triển du lịch cộng đồng như sau:

- Hình thành cơ chế quản lý làng cổ, phát triển du lịch:

- Thành lập ban quản lý.
- Hình thành các nhóm cung cấp dịch vụ du lịch của cộng đồng địa phương:
  - ✓ Nhóm khôi phục nghề gốm, cung cấp trải nghiệm làm gốm từ các thợ gốm.
  - ✓ Nhóm nhà cổ.
  - ✓ Nhóm cung cấp dịch vụ ăn uống từ các thành viên Hội Phụ nữ.
  - ✓ Nhóm hướng dẫn viên địa phương.

- Xây dựng sản phẩm du lịch
  - Khôi phục nghề gốm và gắn nghề gốm với hoạt động du lịch:
    - ✓ Khôi phục nghề gốm: thay đổi sản phẩm cho phù hợp với thị trường, dung hòa các thiết kế hiện đại với phương pháp gốm truyền thống.
    - ✓ Tập trung triển lãm và bán hàng, chú trọng mở rộng thị trường.
    - ✓ Xây dựng các chương trình du lịch đa dạng lấy nghề gốm là trọng tâm.
    - ✓ Tập huấn học tập kỹ thuật, bồi dưỡng nhân lực.
  - Sử dụng nhà cổ để làm bảo tàng trưng bày gốm
  - Xây dựng các sản phẩm du lịch khác: homestay, ẩm thực trong nhà cổ, tham quan nhà cổ, du lịch trên sông Ô Lâu
- Tăng cường khả năng tiếp nhận du lịch
  - Xây dựng trung tâm Thông tin Du lịch Phước Tích tạo điểm nhấn tiếp đón khách du lịch của làng
  - Trang bị cơ sở vật chất du lịch quy mô nhỏ: nhà vệ sinh, khu vực để xe,...
  - Xây dựng tuyến du lịch, bồi dưỡng hướng dẫn viên địa phương
- Công tác xúc tiến, quảng bá:
  - Quảng bá bằng cách tổ chức FAM tour.
  - Quảng bá thông qua sự kiện Festival Huế: Hương xưa làng cổ là sự kiện điển hình, được tổ chức tại làng cổ Phước Tích với các hoạt động trải nghiệm nghề gốm, thi đấu thể thao, và các hoạt động quảng bá du lịch Phước Tích.
  - Quảng bá tại hội chợ du lịch: tại hội chợ Du lịch JATA (Hiệp hội Lữ hành Nhật Bản) được tổ chức tại Nhật Bản vào các năm 2011, 2013, tỉnh Thừa Thiên Huế đều tham gia gian hàng và đặc biệt quảng bá làng Phước Tích cho các công ty lữ hành Nhật Bản.



**Bảng 2.5. Các dự án ĐTPT du lịch tại làng cổ Phước Tích 2013-2015**

Thời gian		Tên công trình	Tổ chức tài trợ	Kinh phí
2013	2/2013	Tiếp nhận đưa vào sử dụng công trình đầu tư trang thiết bị cho ngôi nhà rường của ông Khiếu thành Trung tâm Thông tin Du lịch.	JICA	700 triệu đồng
	5/2013	Làm và phát hành bản đồ Phước Tích, sách giới thiệu làng cổ.	Ngân sách huyện Phong Điền	116 triệu đồng
	7/2013-2/2014	Trùng tu, sửa chữa đình làng Trung, chùa Phước Bửu, miếu Cây Thị, miếu Đôi, miếu Quang Tế, Miếu Âm Hồn, miếu Con Cọp, miếu Bà Giang, đền Văn Thánh.	JICA	1 tỷ đồng
	8/2013-12/2013	Trùng tu, cải tạo và bổ sung cơ sở vật chất cho các xưởng gốm, lò gốm trong làng.	JICA	500 triệu đồng
	10/2013	Tập huấn cho nhóm ẩm thực	JICA	89 triệu đồng
	11/2013-2/2014	Xây dựng công trình nhà vệ sinh công cộng, khu vực đỗ xe tại làng Phước Tích	JICA	756 triệu đồng (hỗ trợ 700 triệu, ngân sách huyện 56 triệu)

2014	1/2014	Tập huấn nghề gốm tại làng Bát Tràng, Hà Nội	JICA	110 triệu đồng
	2/2014-7/2014	Trùng tu và đưa vào sử dụng ngôi nhà rường của ông Trương Duy Thanh	Chương trình hợp tác song phương Việt Nam-Wallonie/Bru xelles	700 triệu đồng (hỗ trợ 520 triệu đồng)
	4/2014	Hỗ trợ xây dựng lò ga mini tại lò gốm Phước Tích	JICA	500 triệu đồng
	6/2014	Tổ chức tập huấn du lịch tại Nhật Bản	JICA	180 triệu đồng
	7/2014	Tổ chức Famtour cho các công ty đến làng cổ Phước Tích, quảng bá làng cổ Phước Tích tại sân bay Phú Bài, tiếp nhận các đoàn tham quan.	JICA	250 triệu đồng
	7/2014-12/2014	Đầu tư nâng cấp nhà cổ ông Khương thành nhà ăn và điểm lưu trú	JICA	800 triệu đồng
	2015	1/2015-2/2015	Trang bị nhà chú Diễn thành bộ sưu tập gốm.	Ngân sách huyện
7/2015		Hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng công trình tu bổ cấp thiết ngôi nhà rường cổ của bà Lương Thanh Thị Hén	Công ty Việt Pháp	600 triệu đồng

8/2015	Hoàn thành dự án “Phòng chống côn trùng hại gỗ cho khu di tích kiến trúc nghệ thuật làng cổ Phước Tích”	Công ty Việt Pháp	270 triệu đồng
11/2015	Lập hồ sơ dự toán thiết kế đối với các ngôi nhà rường của ông Lương Thanh Phong, ông Hồ Văn Hưng, bà Lê Thị Hoa để đăng ký cấp vốn Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2015-2016	Ngân sách huyện	1 tỷ đồng

(Nguồn: Ban Quản lý làng cổ Phước Tích)

**Bảng 2.6. Tổng VĐT phát triển DLCĐ tại làng cổ Phước Tích 2013-2015**

Đơn vị tính: triệu đồng

Năm	Tổng VĐT	Vốn Nhà nước		Vốn tài trợ		Đóng góp của dân	
		Vốn	%	Vốn	%	Vốn	%
2013	3.161	102	3,23	2.989	94,56	70	2,21
2014	2.540	130	5,12	2.360	92,91	50	1,97
2015	2.540	1.500	59,06	870	34,25	170	6,69

(Nguồn: Ban Quản lý làng cổ Phước Tích)

Qua bảng 2.5 ta thấy, tổng vốn đầu tư phát triển du lịch cộng đồng tại làng cổ Phước Tích năm 2013 là 3.161 triệu đồng, trong đó vốn Nhà nước là 102 triệu đồng, chiếm 3,32% tổng vốn đầu tư, vốn từ các nhà tài trợ là 2.989 triệu đồng, chiếm 94,56%, người dân đóng góp 70 triệu đồng, chiếm 2,21%. Năm 2014, tổng vốn đầu tư là 2.540 triệu đồng, trong đó có 130 triệu đồng là vốn Nhà nước, chiếm 5,12%, 2.360 triệu đồng là vốn được tài trợ từ các tổ chức, chiếm 92,91% và 50 triệu đồng là vốn do người dân đóng góp, chiếm 1,97%. Năm 2015, tổng vốn đầu tư là 1.540 triệu đồng và 1.000 triệu đồng dự toán, trong đó có 1.500 triệu đồng vốn Nhà nước, chiếm 59,06%,

870 triệu đồng được tài trợ, chiếm 34,25% và 170 triệu đồng do người dân đóng góp, chiếm 6,69%.

Những năm vừa qua, làng cổ Phước Tích đều được đầu tư phát triển du lịch cộng đồng, tuy nhiên, tình hình đầu tư giảm qua các năm. Năm 2013 và 2014, vốn được tài trợ chiếm tỷ trọng cao mà chủ yếu là từ tổ chức JICA vì giai đoạn này, làng Phước Tích nằm trong dự án “Phát triển bền vững địa phương thông qua du lịch di sản”.

#### 2.4.1.2. Các dự án đang thực hiện trong năm 2016

- Tháng 2/2016, bước đầu thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia 2015-2016, nâng cấp các ngôi nhà rường của ông Lương Thanh Phong, ông Hồ Văn Hưng, bà Lê Thị Hoa phục vụ du lịch với tổng vốn đầu tư 1 tỷ đồng do Ủy ban nhân dân huyện Phong Điền cấp vốn.

- Tháng 9/2016, kế hoạch xây dựng nhà đón tiếp khách du lịch ở làng cổ Phước Tích với tổng số vốn 1,3 tỷ đồng do Ngân hàng phát triển châu Á ADB tài trợ vốn.

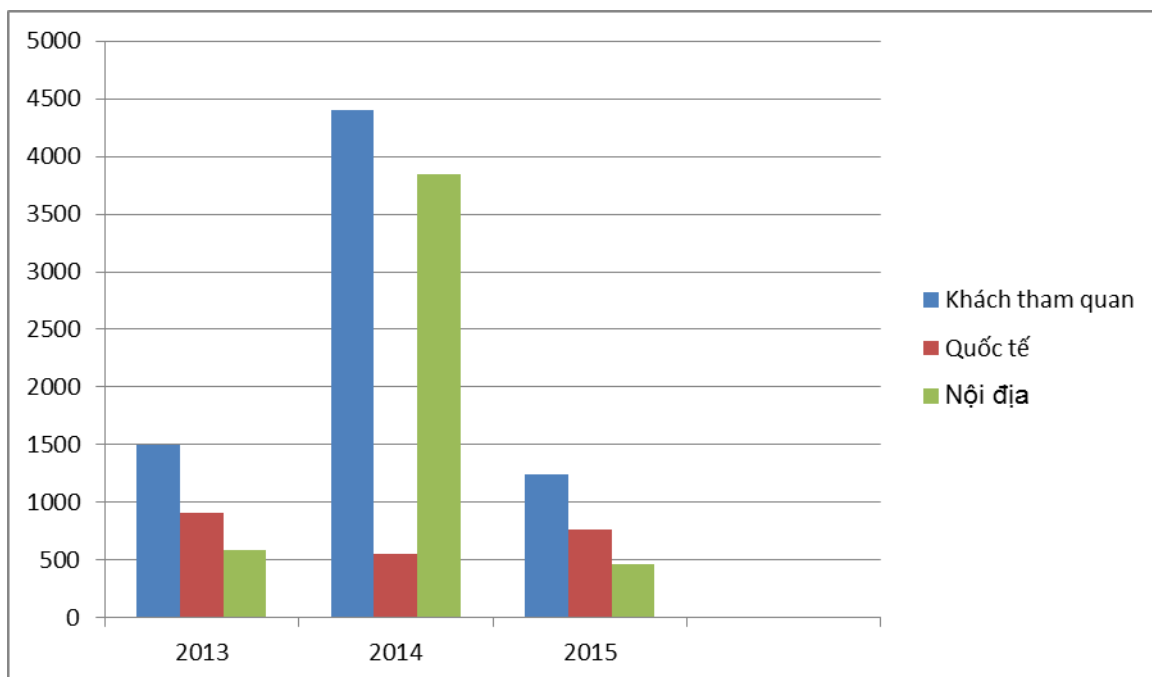
#### 2.4.2. Tình hình du khách đến tham quan tại làng cổ Phước Tích giai đoạn 2013-2015

**Bảng 2.7. Lượng khách du lịch ở làng cổ Phước Tích giai đoạn 2013-2015**

*Đơn vị: lượt khách*

Chi tiêu	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015		So sánh			
	Lượt khách	Tỷ lệ (%)	Lượt khách	Tỷ lệ (%)	Lượt khách	Tỷ lệ (%)	2014/2013		2015/2014	
							+/-	%	+/-	%
Khách tham quan	1.500	100,00	4.398	100,00	1.240	100,00	2.898	193,20	-3.158	-71,81
Khách quốc tế	911	60,73	550	12,51	770	62,10	-361	-39,63	220	40,00
Khách nội địa	589	39,27	3.848	87,49	470	37,90	3.259	553,31	-3.378	-87,79

*(Nguồn: Ban quản lý làng cổ Phước Tích)*



(Tổng hợp từ Lượng khách du lịch ở làng cổ Phước Tích 2013-2015)

### **Biểu đồ 2.5: Lượng khách du lịch ở làng cổ Phước Tích giai đoạn 2013-2015**

Theo số liệu của Ban quản lý làng cổ Phước Tích ở bảng 5, số lượng khách du lịch đến làng cổ Phước Tích từ năm 2013-2015 tăng giảm không đồng đều. Năm 2013, có 1500 lượt khách đến với làng cổ Phước Tích, trong đó có 911 lượt khách quốc tế, chiếm 60,73% tổng lượt khách và 589 lượt khách nội địa, chiếm 39,37% tổng lượt khách. Năm 2014, lượt khách đến Phước Tích tăng đột biến với 4398 lượt khách, tăng 2898 lượt tương ứng tăng 193,20% so với 2013, trong đó có 550 lượt khách quốc tế, chiếm 12,51% tổng lượt khách, giảm 361 lượt tương ứng 39,63% so với năm 2013 và 3848 lượt khách nội địa, chiếm 87,49% tổng lượt khách, tăng 3259 lượt tương ứng 553,31% so với năm 2013. Năm 2015, lượng khách đến Phước Tích có xu hướng giảm với 1240 lượt, giảm 3158 lượt tương ứng 71,81% so với năm 2014, trong đó khách quốc tế là 770 lượt, chiếm 62,10% tổng lượt khách, tăng 220 lượt tương ứng 40,00% so với năm 2014 và khách nội địa là 470 lượt, chiếm 31,90% tổng lượt khách, giảm 3378 lượt, tương ứng 87,79% so với năm 2014.

Nguyên nhân của sự tăng giảm không đồng đều lượng khách du lịch đến làng cổ Phước Tích là vì năm 2014 diễn ra Festival Huế, sự kiện Hương xưa làng cổ được tổ chức tại làng Phước Tích phục vụ Festival đã thu hút lượng khách du lịch lớn đến đây.

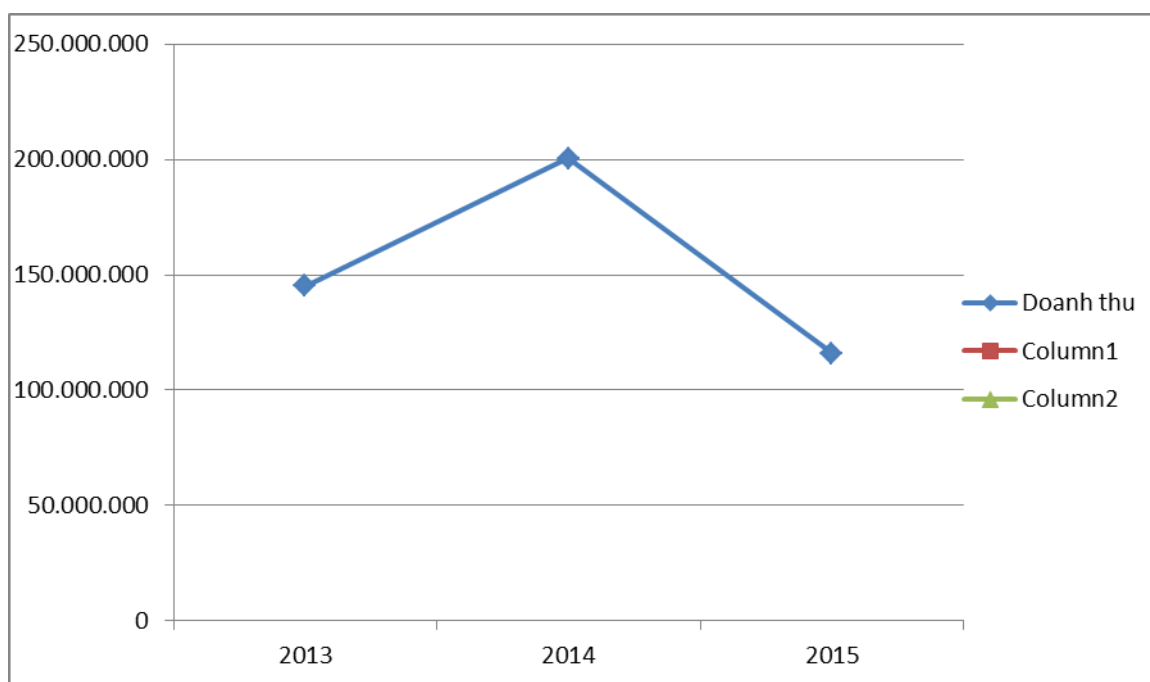
### 2.4.3. Doanh thu từ hoạt động du lịch ở làng cổ Phước Tích 2013-2015

**Bảng 2.8. Doanh thu từ hoạt động du lịch ở làng cổ Phước Tích 2013-2015**

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	So sánh			
				2014/2013		2015/2014	
				+/-	%	+/-	%
Doanh thu	145.265.000	200.400.000	116.000.000	55.135.000	37,95	-84.400.000	-42,12

(Nguồn: Ban quản lý làng cổ Phước Tích)



(Tổng hợp từ Doanh thu từ hoạt động du lịch ở làng cổ Phước Tích 2013-2015)

**Biểu đồ 2.6: Doanh thu từ hoạt động du lịch ở làng cổ Phước Tích 2013-2015**

Doanh thu từ du lịch của làng cổ Phước Tích cũng tăng giảm khác nhau qua các năm. Cụ thể doanh thu từ hoạt động du lịch của năm 2013 là 145.265.000 đồng, năm 2014 là 200.400.000 đồng, tăng 55.135.000 đồng tương ứng 37,95% so với năm 2013.

Năm 2015, doanh thu từ hoạt động du lịch là 116.000.000 đồng, giảm 84.400.000 đồng, tương ứng 42,12% so với năm 2014.

Năm 2014, nhờ lễ hội Festival Huế nên du lịch tại làng cổ Phước Tích được du khách chú ý nhiều hơn, lượng khách du lịch vào thời điểm này tăng nên doanh thu từ du lịch cũng tăng. Năm 2013, 2015 hầu như khách chỉ ghé tham quan vào những dịp đầu xuân hay những ngày tế lễ làng quan trọng nên lượng khách vào các năm này không nhiều. Nguồn thu này hầu hết các hãng lữ hành hoặc cá thể kinh doanh tự phát cung cấp dịch vụ ở làng Phước Tích được hưởng một số ít. Khách du lịch không được hưởng một dịch vụ du lịch nào của địa phương và ngược lại địa phương cũng không thu lại được lợi ích kinh tế nào đáng kể từ du lịch Phước Tích.

#### *2.4.4. Đánh giá tình hình đầu tư phát triển du lịch cộng đồng tại làng cổ Phước tích*

##### *❖ Tác động tới mức độ phát triển:*

- Lượng du khách đến đây hằng năm: nhìn chung, mô hình du lịch cộng đồng tại làng cổ Phước Tích chưa thực sự hiệu quả, lượng khách đến đây tương đối thấp. Vào các năm chẵn, nhờ ảnh hưởng của Festival Huế nên lượng khách tăng mạnh, các năm còn lại Phước Tích chưa thực sự thu hút sự chú ý của khách du lịch.

- Phân loại du khách và thời gian lưu trú tại địa phương: vào các năm lẻ, lượng khách quốc tế đến đây lớn hơn khách nội địa, tuy nhiên vào năm 2014, lượt khách quốc tế giảm, bên cạnh đó, khách nội địa tăng đột biến. Khách du lịch chủ yếu đến tham quan trong ngày, do các chương trình du lịch chưa thực sự hấp dẫn để giữ chân du khách và dịch vụ lưu trú còn nhiều hạn chế.

- Lợi ích việc làm: du lịch tạo công ăn việc làm cho hầu hết các hộ gia đình, các thành viên trong độ tuổi lao động của làng. Trong làng không có đất nông nghiệp nên hầu hết người dân kiếm sống nhờ nghề gốm và làm du lịch.

- Tăng trưởng kinh tế cho địa phương: doanh thu từ du lịch cộng đồng là nguồn thu chủ yếu của người dân làng Phước Tích, giúp cải thiện bộ mặt của làng.

##### *❖ Tính ổn định và phát triển của văn hóa – xã hội tại địa phương:*

- An sinh xã hội: hầu hết các hộ gia đình của làng đều làm du lịch, tạo thu nhập ổn định cho người dân, từ đó họ có cuộc sống sung túc hơn. Giảm thiểu các tệ nạn xã hội.

- Bảo tồn các nét văn hóa vật thể và phi vật thể: các di sản văn hóa được trùng tu và bảo tồn phục vụ du lịch cộng đồng, nghề gốm được phục hồi và phát triển. Chương trình “Hương xưa làng cổ” được tổ chức đều đặn trong các dịp Festival, nghề gốm cũng được quảng bá trong Festival làng nghề truyền thống.

❖ Ảnh hưởng tới môi trường:

- Chú trọng đầu tư vào phân loại và xử lý rác thải.
- Người dân cũng như du khách có ý thức bảo vệ môi trường cảnh quan và giữ gìn các di sản hơn vì họ nhận thức được tầm quan trọng của môi trường và các di sản trong việc phát triển du lịch cộng đồng, tạo thu nhập cũng như đáp ứng nhu cầu tham quan của họ.



## **CHƯƠNG III: ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP THỨC ĐẨY**

### **ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DU LỊCH CỘNG ĐỒNG**

#### **Ở LÀNG CỔ PHƯỚC TÍCH**

#### **3.1. Định hướng phát triển du lịch cộng đồng ở làng cổ Phước Tích**

##### *3.1.1. Định hướng chung*

Phát triển du lịch trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn trên cơ sở khai thác có hiệu quả lợi thế về điều kiện tự nhiên, sinh thái, truyền thống văn hoá lịch sử, huy động tối đa nguồn lực tại địa phương và tranh thủ sự hợp tác, hỗ trợ quốc tế, góp phần thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hóa hoạt động du lịch. Từng bước đưa làng Phước Tích trở thành một điểm du lịch hấp dẫn của Huế.

Phấn đấu phát triển du lịch cộng đồng tại làng cổ Phước Tích với các chỉ tiêu cụ thể sau:

- Năm 2016: Khách quốc tế đến làng Phước Tích du lịch từ 600 đến 650 lượt người, khách nội địa từ 4000 đến 4200 lượt người, thu nhập du lịch đạt trên 220 triệu đồng;

- Năm 2020: Khách quốc tế đến làng Phước Tích du lịch từ 800 đến 1000 lượt người, khách nội địa từ 5000 đến 5500 lượt người, thu nhập du lịch đạt trên 300 triệu đồng.

##### *3.1.2. Định hướng phát triển một số lĩnh vực*

###### *3.1.2.1. Về thị trường*

Khai thác khách từ các thị trường quốc tế, chú trọng các thị trường ASEAN. Chú trọng phát triển và khai thác thị trường du lịch nội địa, phát huy tốt nhất lợi thế phát triển du lịch của địa phương, đáp ứng yêu cầu giao lưu, hội nhập và phù hợp với quy định của Nhà nước.

###### *3.1.2.2. Về đầu tư phát triển du lịch*

Đầu tư phát triển du lịch phải kết hợp tốt việc sử dụng nguồn đầu tư từ ngân sách nhà nước với việc khai thác, sử dụng nguồn vốn nước ngoài và huy động nguồn lực trong dân theo phương châm xã hội hoá phát triển du lịch. Ưu tiên đầu tư phát triển các ngôi nhà rường và nghề gốm cổ truyền. Kết hợp đầu tư nâng cấp, phát triển các điểm tham quan du lịch, cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch với đầu tư cho tuyên truyền, quảng bá và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực du lịch để tạo ra các sản phẩm du lịch hấp dẫn, mang tính đặc thù.

### 3.1.2.3. Về phát triển nguồn nhân lực du lịch

Xây dựng hệ thống cơ sở đào tạo nguồn nhân lực du lịch gồm: dạy nghề, đào tạo trung cấp, cao đẳng, đại học và trên đại học về du lịch. Đổi mới cơ bản công tác quản lý và tổ chức đào tạo nguồn nhân lực du lịch; đổi mới chương trình, nội dung và phương pháp đào tạo theo chuẩn hoá quốc gia cho ngành du lịch; gắn lý thuyết với thực hành, đào tạo với nghiên cứu để nâng cao chất lượng giảng dạy và trình độ đội ngũ cán bộ giảng dạy.

### 3.1.2.4. Về xúc tiến, tuyên truyền quảng bá du lịch

Đẩy mạnh xúc tiến, tuyên truyền, quảng bá du lịch với các hình thức linh hoạt; phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành; tranh thủ hợp tác quốc tế trong hoạt động xúc tiến du lịch ở trong và ngoài nước, từng bước tạo dựng và nâng cao hình ảnh du lịch làng cổ trên trường quốc tế; nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành và của nhân dân về vị trí, vai trò của du lịch trong phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

## **3.2. Giải pháp thúc đẩy đầu tư phát triển du lịch cộng đồng ở làng cổ Phước Tích**

Qua quá trình nghiên cứu cùng với việc tham khảo ý kiến của các chuyên gia và từ sách báo, tôi xin đề xuất một vài giải pháp nhằm thúc đẩy đầu tư phát triển du lịch cộng đồng tại làng cổ Phước Tích như sau:

### *3.2.1. Giải pháp từ phân tích ma trận SWOT*

Từ các phân tích trên, ta xác định được một số điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức ảnh hưởng đến đầu tư phát triển du lịch cộng đồng tại làng cổ Phước Tích:

❖ Điểm mạnh:

- Nguồn di sản văn hóa dồi dào.
- Nghề gốm truyền thống với bề dày lịch sử hơn 500 năm.
- Lao động lành nghề.
- Đội ngũ quản lý có năng lực, nhiệt tình với công việc.
- Sông Ô Lâu bao quanh, giúp phát triển dịch vụ tham quan trên sông.
- Có định hướng phát triển du lịch bền vững.

❖ Cơ hội:

- Được sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế như JICA.
- Được quảng bá thông qua chương trình “Hương xưa làng cổ” tại các dịp Festival.
- Đang được sự hỗ trợ của Nhà nước thông qua Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2015-2016.

❖ Điểm yếu:

- Lao động trẻ rời làng kiếm sống.
- Chưa có thị trường đầu ra ổn định cho sản phẩm gốm.
- Cơ sở hạ tầng chưa phát triển.
- Sản phẩm du lịch đơn điệu.
- Tham gia hoạt động du lịch của người dân còn hạn chế.
- Trình độ dân trí còn thấp, số người được đào tạo du lịch không nhiều.

❖ Thách thức:

- Cách xa trung tâm thành phố.
- Các di sản bị mài mòn, xuống cấp do thời gian, thời tiết và con người.
- Huế có nhiều loại hình du lịch hấp dẫn.

- Loại hình du lịch cộng đồng chưa nhận được sự quan tâm nhiều của Nhà nước.
- Ít người biết, hoặc biết những ít quan tâm đến du lịch cộng đồng.

#### Ma trận SWOT

	Điểm mạnh S	Điểm yếu W
Cơ hội O	<p>S/O: tận dụng điểm mạnh bên trong để phát huy cơ hội bên ngoài:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát huy nghề gốm để quảng bá hiệu quả tại chương trình “Hương xưa làng cổ”.</li> <li>- Tận dụng các di sản văn hóa để thu hút sự hỗ trợ của Chương trình mục tiêu quốc gia.</li> <li>- Thực thi tốt chiến lược phát triển du lịch bền vững để thu hút sự tài trợ từ tổ chức JICA.</li> </ul>	<p>W/O: Khắc phục điểm yếu bên trong để phát triển cơ hội bên ngoài:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiết kế các sản phẩm gốm nhỏ gọn để dễ quảng bá trong các dịp Festival.</li> <li>- Vận động người dân tham gia làm du lịch, đưa các ngôi nhà rường vào phục vụ du lịch để tận dụng sự hỗ trợ từ Chương trình mục tiêu quốc gia.</li> </ul>
Thách thức T	<p>S/T: Phát huy điểm mạnh bên trong để hạn chế những thách thức bên ngoài:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện tốt chiến lược phát triển bền vững để hạn chế sự xuống cấp, mai một của các di sản.</li> <li>- Phát triển loại hình du lịch trên sông để cạnh tranh với các điểm du lịch khác.</li> <li>- Phát triển đội ngũ cán bộ nổi bật để thu hút sự quan tâm của các cấp chính quyền.</li> </ul>	<p>W/T: Điều chỉnh, loại bỏ điểm yếu bên trong để hạn chế, giảm thiểu thách thức bên ngoài:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát triển các sản phẩm du lịch, đồng thời bổ sung thêm các sản phẩm mới để thu hút khách du lịch.</li> <li>- Đào tạo đội ngũ lao động, đặc biệt là Tiếng Anh để thu hút khách quốc tế.</li> </ul>

### 3.2.2. Giải pháp thúc đẩy đầu tư phát triển du lịch cộng đồng

#### 3.2.2.1. Giải pháp về cơ chế chính sách

Chính quyền địa phương là những đại diện của chính quyền trung ương. Một trong những nhiệm vụ của chính quyền địa phương là tạo môi trường phát huy sức mạnh của cộng đồng để phát triển, tăng cường các lợi thế cạnh tranh của cộng đồng. Sau đây là một số giải pháp của địa phương có thể phát huy được tối đa tiềm năng về du lịch:

- Tạo môi trường pháp lý cho việc kêu gọi tài trợ để thực hiện các kế hoạch, chiến lược phát triển.

- Đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động du lịch, vận động sự tham gia của các sở, ban ngành, người dân, bảo đảm tốt an ninh trật tự, an toàn xã hội,... Tạo điều kiện cho mọi thành phần kinh tế hoạt động trong lĩnh vực du lịch dưới sự quản lý chặt chẽ của nhà nước.

- Cần xây dựng nội quy, quy chế về việc phát triển du lịch gắn liền với bảo vệ cảnh quan môi trường,, bảo tồn các giá trị văn hóa vốn có.

- Đảm bảo tối đa sự công bằng về phân chia lợi nhuận giữa các thành viên cộng đồng.

- Gắn kế hoạch phát triển du lịch cộng đồng của địa phương và chính sách phát triển chung của tỉnh bằng cách lồng ghép các dự án của địa phương vào chiến lược phát triển chung của tỉnh.

- Phát triển cơ sở hạ tầng phù hợp với môi trường cảnh quan mà không mất đi những nét đẹp văn hóa lịch sử.

- Động viên khuyến khích quyền sở hữu địa phương và kiểm soát các nguồn lực.

- Đào tạo kỹ năng và nâng cao nhận thức của cán bộ quản lý.

- Thực hiện chính sách cho vay vốn dài hạn đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh làng nghề hay kinh doanh du lịch cộng đồng.

- Có chính sách động viên, tuyên dương, khen thưởng đối với những cá nhân xuất sắc đã đóng góp được những thành tựu, sáng tạo,... các việc làm thiết thực cho du lịch địa phương.

#### 3.2.2.2. Tăng cường đào tạo năng lực cho các bên liên quan đến du lịch cộng đồng địa phương

Nâng cao năng lực cho ban quản lý du lịch cộng đồng, các nhóm chức năng, các doanh nghiệp du lịch, hộ làm du lịch tại địa phương là rất cần thiết bởi vì du lịch cộng đồng hoàn toàn phụ thuộc vào người dân và những trải nghiệm của khách du lịch phụ thuộc vào chất lượng dịch vụ do người dân cung cấp – đây là những người cần được đào tạo các kỹ năng và năng lực cần thiết để cung cấp các sản phẩm du lịch cộng đồng. Đánh giá và thấu hiểu tầm quan trọng về nguồn nhân lực chính là chìa khóa xác định xem liệu cộng đồng đó có khả năng duy trì và phát triển du lịch cộng đồng một cách

bền vững hay không. Để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thì cần thực thi các giải pháp cụ thể sau:

- Xã hội hóa du lịch, nâng cao hiểu biết về du lịch cho người lao động tham gia trực tiếp với khách góp phần hình thành môi trường du lịch lành mạnh, thuận lợi.
- Mở những cuộc thi nghề, trao đổi kinh nghiệm giữa đội ngũ lao động để họ có cơ hội cọ xát và nâng cao kinh nghiệm, kỹ năng của mình.
- Tăng cường mở các cuộc tập huấn cho người dân cũng như đưa cán bộ đi tập huấn về du lịch cộng đồng, tập huấn nghề gốm, ẩm thực ở các nơi như Hội An, Bát Tràng,...
- Xây dựng môi trường làm việc hấp dẫn và điều kiện làm việc tốt để thu hút lượng lao động đã rời làng để kiếm sống trở về cũng như giữ chân lượng lao động hiện có.
- Tăng cường đào tạo hướng dẫn viên địa phương về kỹ năng cũng như Tiếng Anh để giao tiếp với khách quốc tế.
- Tạo cơ hội cho cán bộ quản lý, người lao động học tập kinh nghiệm quản lý và kinh doanh du lịch ở một số nước phát triển mạnh về du lịch cộng đồng.
- Tập trung đầu tư đào tạo lực lượng lao động mới, có trình độ và học tập từ các trường đào tạo về du lịch để tạo ra nguồn nhân lực mới có chất lượng cao trong tương lai.
- Xây dựng cơ chế khuyến khích, động viên những người có kinh nghiệm, lành nghề ở cộng đồng tham gia làm du lịch như biểu diễn nghề truyền thống, hướng dẫn du khách trải nghiệm nghề gốm,...

### 3.2.2.3. Phát triển các sản phẩm và dịch vụ du lịch độc đáo

Cần xây dựng các sản phẩm du lịch độc đáo đề cao sự khác biệt và chất lượng cho các nhóm sản phẩm và dịch vụ thông qua sự tận dụng tối đa các nguồn lực của địa phương.

- Các sản phẩm gốm Phước Tích cần được thiết kế nhỏ gọn hơn phù hợp cho sự vận chuyển của du khách song vẫn giữ nguyên được giá trị truyền thống.

- Dịch vụ trình diễn cũng cần điều chỉnh để có chương trình phù hợp nhất với các đối tượng du khách cụ thể.
- Thường xuyên tổ chức các chương trình trải nghiệm nghề gốm cho du khách đến tham quan.
- Tăng cường đầu tư cho dịch vụ tham quan bằng thuyền trên sông Ô Lâu.
- Mở rộng mô hình homestay, tạo cảm giác thoải mái để du khách ở lại tham quan nhiều ngày.
- Nâng cao chất lượng cũng như đổi mới thực đơn phục vụ du khách.

#### 3.2.2.4. Không ngừng tăng cường công tác xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm

Cùng với xu hướng toàn cầu hóa, với đặc điểm vị trí thuận lợi, nguồn tài nguyên du lịch phong phú đa dạng, du lịch cộng đồng ở làng cổ Phước Tích có nhiều điều kiện thuận lợi liên kết, phối hợp, hợp tác với du lịch trên cả địa bàn tỉnh TT Huế và các tỉnh thành trong cả nước và quốc tế. Do đó, các tỉnh trong vùng cần tăng cường công tác quảng bá, xúc tiến du lịch, xác định đây là hoạt động quan trọng, được nhìn nhận là một việc đầu tư dài hạn, nhằm thu hút số lượng lớn khách du lịch tiềm năng, tăng số lượng khách quay trở lại với một điểm đến, góp phần thu hút đầu tư du lịch.

- Quảng bá qua các phương tiện thông tin đại chúng như truyền hình, báo, tạp chí, trang web. Qua phương tiện này có thể truyền đạt thông tin tới đông đảo người dân Việt Nam cũng như bạn bè quốc tế. Có thể giới thiệu tức thời các thông tin có liên quan trực tiếp đến du lịch tại làng cổ Phước Tích như hình ảnh, bài viết, các thông tin tour,... Điểm cần lưu ý là để duy trì cần phải có một khoản kinh phí ổn định, nội dung thông tin phải chính xác khi truyền tải.

- In ấn và phát hành bản đồ du lịch. Đây như là bản đồ khái quát nhất giới thiệu lịch sử làng, các sản phẩm du lịch, bản đồ làng Phước Tích và địa chỉ liên lạc với Ban Quản lý làng cổ. Bản đồ du lịch sử dụng để quảng bá với các công ty du lịch và phát cho khách tham quan.

- Cử thành viên Ban quản lý làng cổ tham gia các hội chợ du lịch trong nước và quốc tế để quảng bá đến nhóm đối tượng có quan tâm đến du lịch cao. Có khả năng kết hợp kinh doanh, ví dụ như kết hợp xây dựng tour với các đối tác.

- Quảng bá bằng cách tổ chức các sự kiện lễ hội tại địa phương để đạt hiệu quả thu hút khách.

- Quảng bá bằng cách liên kết với các công ty du lịch và các điểm du lịch gần kề. Du khách khó có thể tham quan một mình do đi lại phức tạp và trở ngại ngôn ngữ đối với du khách quốc tế nên để xúc tiến du lịch hiệu quả cần liên kết với các công ty du lịch để được gửi khách. Để quảng bá đến các công ty du lịch thì tổ chức FAM tour là phương pháp hiệu quả nhất.

- Thống nhất trong xây dựng và thực hiện chương trình kích cầu du lịch, khuyến mãi giảm giá tại các khu, điểm du lịch, giảm giá phòng nghỉ, dịch vụ ăn uống,... để khuyến khích các doanh nghiệp lữ hành tổ chức kết nối tour du lịch từ các địa phương khác đến với du lịch tại làng cổ phước tích.

#### 3.2.2.5. Giải pháp xây dựng cơ sở vật chất

Xây dựng cơ sở hạ tầng xã hội:

- Đầu tư xây dựng, kiên cố hóa các tuyến đường đến làng cổ, đặc biệt là tuyến đường từ trung tâm thành phố.

- Nâng cấp, làm sạch các tuyến đường trong làng.

- Xây dựng, nâng cấp hệ thống thông tin liên lạc

Xây dựng các cơ sở hạ tầng phục vụ cho phát triển du lịch cộng đồng:

- Cải tạo và làm sạch các nhà vệ sinh công cộng, các nhà vệ sinh tại các điểm du khách dừng chân.

- Đầu tư các thùng rác và thu gom rác hợp vệ sinh.

- Nâng cấp các bến đò cũng như đầu tư mới thuyền đò phục vụ du khách tham quan trên sông Ô Lâu.



- Đầu tư phục hồi các lò gốm cổ truyền, hệ thống ghé đá cho khách nghỉ chân.
- Cải thiện thêm các điểm lưu trú hay xây dựng một số nhà nghỉ đạt tiêu chuẩn để phục vụ nhu cầu của du khách ở qua đêm.

#### 3.2.2.6. Tăng cường thu hút vốn đầu tư

Để mô hình du lịch cộng đồng được phát triển cần sự hỗ trợ từ phía các cơ quan nhà nước, UBND xã Phong Hòa, UBND huyện Phong Điền, Sở VHTTVDL cùng các cơ quan có liên quan, các tổ chức phi chính phủ, các công ty du lịch thì cần:

- Lòng ghép các nguồn lực từ ngân sách nhà nước cũng như ngân sách địa phương để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng các điểm du lịch.

- Huy động vốn của các doanh nghiệp tư nhân và của chính người dân để phát triển du lịch cộng đồng.

- Kêu gọi tài trợ của các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức quốc tế. Các cơ quan chức năng cần có các biện pháp hỗ trợ đối với tổ chức này.

- Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp vay vốn để phát triển du lịch.

- Lập quỹ hỗ trợ để phát triển du lịch cộng đồng tại địa phương.

- Thực hiện xã hội du lịch bằng cách khuyến cáo các thành phần kinh tế tham gia hoạt động du lịch dưới các hình thức khác nhau.

- Tạo môi trường thông thoáng, đơn giản thủ tục đầu tư phát triển du lịch, tạo sự bình đẳng giữa nhà đầu tư trong và ngoài nước.

#### 3.2.2.7. Nâng cao nhận thức, tuyên truyền giáo dục cho các bên tham gia

Cần có các biện pháp tuyên truyền nhằm nâng cao giáo dục trong nhận thức của người dân về ý nghĩa của sự phát triển du lịch cộng đồng tại địa phương đối với sự phát triển bền vững của tự nhiên và môi trường cũng như đời sống của dân cư thông qua các hoạt động mang tính xã hội.

- Duy trì các kênh giao tiếp và trao đổi thông tin thường xuyên giúp cho tất cả các thành viên cộng đồng và các bên liên quan cảm thấy chính họ là một phần của một tổ chức, được tham gia vào quá trình ra quyết định cho đến quá trình thực hiện dự án.
- Khuyến khích các cá nhân và hộ gia đình tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào hoạt động du lịch để gắn lợi ích của cư dân địa phương với phát triển du lịch cộng đồng.
- Việc lập kế hoạch và quản lý thực hiện du lịch cộng đồng cần tránh sự áp đặt từ các thành viên có vị trí cao hơn trong cộng đồng. Các thành viên cần phải có tiếng nói của mình trong việc đóng góp ý kiến xây dựng kế hoạch và quản lý việc thực hiện du lịch cộng đồng.

## **PHẦN III: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

### **1. Kết luận**

Với những lợi thế và tiềm năng nói trên, việc đầu tư phát triển du lịch cộng đồng ở xã Phong Hòa là một nhu cầu tất yếu của cộng đồng địa phương nhằm giải quyết việc làm, tăng nhu nhập cho người dân, góp phần xóa đói giảm nghèo, tăng khả năng thu hút khách du lịch và đa dạng hóa các dịch vụ du lịch, tạo bước phát triển kinh tế bền vững ở địa phương, đã được thể hiện rõ trong Nghị quyết Đảng bộ, Nghị quyết Hội đồng Nhân dân xã Phong Hòa.

Với nhận thức, du lịch là ngành kinh tế tổng hợp quan trọng trong sự phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Những năm qua, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế đã có sự hỗ trợ cũng như kêu gọi đầu tư phát triển du lịch cộng đồng tại làng cổ Phước Tích cụ thể, Ngân sách huyện đóng góp 102 triệu vào năm 2013, 130 triệu vào năm 2014 và 1.500 triệu vào năm 2015 cho các dự án của làng cổ. Huyện kêu gọi và khuyến khích sự hợp tác đầu tư từ các tổ chức trong và ngoài nước, đặc biệt là tổ chức JICA. Tuy nhiên, vì còn nhiều hạn chế nên du lịch cộng đồng tại làng cổ còn chưa thực sự phát triển. Du khách chỉ đạt 1500 lượt năm 2013 đem lại doanh thu hơn 145 triệu, 1240 lượt năm 2015 với doanh thu 116 triệu, năm 2014 nhờ có sự ảnh hưởng của Festival Huế nên lượt khách tăng mạnh đạt 4398 lượt và đạt doanh thu trên 200 triệu.

Có thể nói rằng, tài nguyên du lịch ở làng cổ Phước Tích đa dạng và phong phú. Song cần phải được tổ chức khai thác để hình thành các sản phẩm du lịch. Nếu được đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch để đón khách đến tham quan, nghỉ dưỡng thì Phước Tích sẽ nhanh chóng trở thành một điểm đến hấp dẫn của khách du lịch nội địa và quốc tế trong thời gian tới.

### **2. Kiến nghị**

#### *2.1. Đối với Sở Văn hóa – Thể Thao và Du lịch Thừa Thiên Huế*

- Chú trọng quảng bá hoạt động du lịch trên nhiều phương tiện thông tin đại chúng đặc biệt là internet, hướng đến đối tượng du khách quốc tế.

- Kêu gọi đầu tư từ nước ngoài và các dự án phát triển du lịch hướng tới cộng đồng và bảo tồn tài nguyên thiên nhiên nhằm khai thác và sử dụng các tiềm năng du lịch tại tỉnh nhà một cách có hiệu quả về cả mặt kinh tế và xã hội.

## 2.2. Đối với Ủy Ban Nhân Dân xã Phong Hòa

- Cần ưu tiên đầu tư các lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật, đặc biệt là giao thông và nước sinh hoạt, xây dựng cơ sở hạ tầng vật chất phục vụ du lịch.

- Tăng cường công tác quản lý Nhà nước thông qua việc xây dựng các chính sách bảo tồn và quản lý tài nguyên du lịch, xây dựng quy chế và nội quy đối với du khách và người dân địa phương. Tạo điều kiện cho người dân mở rộng các loại hình dịch vụ du lịch, thực hiện tốt các chính sách thu hút đầu tư của các tổ chức quốc tế.

- Tổ chức các lớp học bồi dưỡng, hỗ trợ kiến thức về du lịch cộng đồng cho người dân. Các lớp học về cách giao tiếp, ứng xử với khách du lịch, lớp học tiếng anh,... Đối với cán bộ quản lý du lịch cần có các lớp đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ, đặc biệt là nâng cao trình độ ngoại ngữ.

- Có chính sách khuyến khích các doanh nghiệp du lịch, lữ hành đầu tư phát triển loại hình du lịch cộng đồng.

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cơ quan Nhà nước và các cấp chính quyền trong quản lý du lịch. Tạo điều kiện để người dân được hưởng lợi từ du lịch.

## 2.3. Đối với Ban quản lý làng cổ Phước Tích

Ban quản lý cần xây dựng bộ máy theo hướng tinh gọn, hợp lý, hiệu quả, phát huy được khả năng và sở trường của mỗi cán bộ.

Đầu tư thêm hạ tầng cơ sở vật chất, thiết bị đáp ứng nhu cầu khai thác và nâng cao chất lượng các sản phẩm dịch vụ du lịch.

Tiếp tục rà soát các cơ sở kinh doanh du lịch cùng với đánh giá lại các đơn vị lữ hành cung cấp khách du lịch để tuyển chọn được các đơn vị, cơ sở đủ yêu cầu.

Tổ chức các hoạt động các hoạt động tuyên truyền quảng bá giới thiệu các sản phẩm du lịch của Phước Tích thông qua các phương tiện thông tin đại chúng.

#### *2.4. Đối với doanh nghiệp, công ty lữ hành*

Đưa các chương trình du lịch của làng cổ Phước Tích vào chương trình quảng bá của các công ty lữ hành nhằm đưa thông tin đến với khách du lịch rộng rãi hơn.

Thực hiện các chuyến đi thực tế khám phá du lịch cộng đồng tại làng Phước Tích để có thể thiết kế các chương trình du lịch độc đáo, hấp dẫn và bổ sung các sản phẩm, dịch vụ du lịch mới.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quyết định số 15/2016/QĐ-UBND của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế: Về việc phê duyệt bổ sung danh mục các nhà vườn thuộc làng cổ Phước Tích, xã Phong Hòa, huyện Phong Điền vào đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ bảo vệ và phát huy giá trị nhà vườn Huế đặc trưng.
2. Th.S Bùi Thanh Hương, Th.S Nguyễn Đức Hoa Cương (2007), *“Nghiên cứu các mô hình du lịch cộng đồng ở Việt Nam”*.
3. Th.S Hồ Tú Linh (2014), bài giảng *“Kinh tế đầu tư”*, Đại học Kinh tế Huế.
4. TS Võ Quế (2012), *“Du lịch cộng đồng – Lý thuyết và vận dụng”*, nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật.
5. Sở Văn hóa – Thể thao và Du lịch tỉnh Thừa Thiên Huế, *“Tài liệu hội nghị triển khai công tác từ năm 2013 đến năm 2015”*.
6. Viện Nghiên cứu và Phát triển Du lịch, Tổng cục Du lịch Việt Nam, *“Cẩm nang thực tiễn Phát triển du lịch nông thôn Việt Nam”*.
7. Viện Nghiên cứu và Phát triển Ngành nghề nông thôn Việt Nam (2012), *“Tài liệu hướng dẫn phát triển du lịch cộng đồng”*.
8. Viện Nghiên cứu và Phát triển Ngành nghề nông thôn Việt nam, *“Các yếu tố quyết định thành công du lịch cộng đồng”*.
9. Võ Văn Thành (2010), *“Tổng quan du lịch”*, nhà xuất bản Văn hóa Nghệ Thuật.

### Các website:

1. <http://doc.edu.vn/tai-lieu/khoa-luan-nghien-cuu-hoat-dong-du-lich-cong-dong-tai-hoa-lu-ninh-binh-17715/>
2. <http://www.dulichphohue.com/>
3. <https://svhttdl.thuathienhue.gov.vn/>

4. <http://www.hue.vnn.vn/vi/44/10121/Du-lich/Du-lich-dich-vu-chiem-ti-trong-56-GDP-cua-tinh.html#.Vuwie6RikfQ>
5. <http://www.hue.vnn.vn/vi/44/13724/Du-lich/Tap-trung-cac-giai-phap-phat-trien-du-lich-nam-2016.html#.VuwjIKRikfQ>
6. <https://svhttdl.thuathienhue.gov.vn/?gd=6&cn=521&tc=3381>
7. <https://phongdien.thuathienhue.gov.vn/?gd=60&cn=1179&cd=115>
8. <http://vietnamtourism.gov.vn/index.php/items/19659>
9. [http://violet.vn/thcs-phonghoa-thuathienhue/entry/list/cat\\_id/4958943](http://violet.vn/thcs-phonghoa-thuathienhue/entry/list/cat_id/4958943)
10. <http://langcophuotich.org.vn/>